

ĐẠI CHÁNH TÂN TU ĐẠI TẠNG KINH

THỨ TỰ KINH VĂN SỐ 1724

Tỳ Kheo Huệ Chiêu chùa Đại Vân ở Châu Sơn

Sa Môn Thích Như Điền Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover Đức Quốc dịch từ Tiếng Hán sang tiếng Việt trên chuyến Hoằng Pháp Âu Châu năm 2013(Chùa Khánh Anh)Pháp Quốc.Cuối tháng 3 năm 2013.

Hỏi về Bồ Tát có hai loại. Nghĩa là về Đốn Tiệm Ngộ. Chia rõ hai loại ấy thì có khác nhau chăng?

Đáp rằng: Chính việc chứng lý thì gọi là Đốn Ngộ. Được Thánh hỏi tâm thì gọi là Tiệm Ngộ. Kẻ chưa được Thánh thì chưa ngộ lý. Nếu dùng niềm tin để Ngộ thì gọi là Tiệm Ngộ . Kẻ ấy đã có sẵn căn tánh Đại Thừa. Tuy chưa được nghe về Đại, mà chỉ nghe về Tiểu. Tuy chẳng có ý cầu nghe mà được rõ biết. Há gọi là Tiệm Ngộ sao?

Nếu niềm tin giải này chẳng gọi là Tiệm Ngộ thì chưa được quả Thánh. Kẻ liền hỏi tâm lại cũng chưa Tiệm Ngộ. Nếu như vậy thì Định Sanh kia lúc ấy chẳng sánh với số lần sanh không nhiều, làm sao chẳng phải là Tiệm Ngộ? Điều này cũng chẳng phải như vậy. Nếu y cứ nơi quả của Tiểu thì là Định Sanh này; nhưng nếu quay trở lại Đại thì số lần sanh bất định.

Hỏi rằng: Đã định sanh rồi; tức là chẳng sanh nhiều lại chẳng tạo nghiệp. Như vậy thì thế nào là bất định và ai nói rằng chẳng tạo nghiệp? Luận thuyết có hai chi, chẳng nhiếp được hai vị. Dùng sự tăng lên thì chẳng có hữu. Nếu sẽ tạo nghiệp thì làm sao chẳng có những phần khác của hữu?

Đáp rằng: Có hai cách giải. Thứ nhất giải thích rằng: Căn cứ vào vô lậu thì chẳng có phần phụ đề nhiếp. Cho nên tạp tập nói rằng: Kẻ rõ con đường Đạo thì chẳng có lậu hoặc, mà như vậy thì làm thế nào để cảm được cái quả của Thập Vương? Tất cả các luận đều nói về Bát Nhã Ba La Mật Đa. Hoặc cảm nhận điều kia. Giả sử

chẳng có một tướng, lại cảm được quả kia vậy. Vô Trước Bát Nhã luận rằng: Một bên; cho nên nếu chẳng cảm hữu lậu, thì một bên là thể nào? Lại có hai việc đúng. Đó là chẳng thể Chánh Cảm. Nghĩa là đối với Vị này tạo ra Cảm và sau đó có nghiệp. Kinh Duyên Khởi nói rằng: Trong Pháp ấy sinh ra khác. Nếu là kẻ buông lung thì lấy 3 loại vô minh làm Duyên. Nếu chẳng phóng dật thì chẳng nói vô minh làm duyên. Lại nói rằng: Các bậc Thánh có học, chẳng tạo hoặc, sau đó có nghiệp. Chẳng phải nói: Chẳng phải Thánh, chẳng tạo nghiệp.

Lại nói rằng: Nếu không có khổ, thì khổ chẳng có. Vô Minh và các Hành chẳng sanh ra làm hai. Đã từ hình dung hiện ra hành động, thì sao lại chẳng tạo nghiệp? Gia Hạnh Đốn Trạng căn cứ vào Mãn Vị để nói. Dùng điều này; cho nên rõ biết hồi tâm, trải qua nhiều lần sanh; cho nên trở thành Đốn Ngộ. Lại nữa ở Tập Tập Luận thứ 13 nói rằng: Đối với trong việc sanh này quyết định thường hay thông đạt chơn lý. Đây được gọi là Thông Đạt Thuận Quyết Trạch Phần. Tức là ở trong ngôi vị này thuộc về Bất Định Tánh vậy. Vì muốn hồi hướng đến tối thượng Bồ Đề và vì muốn cầu nơi các vị Độc Giác, Vô Sư tự chứng Bồ Đề, chuyển đổi rồi sanh. Đây gọi là Dư Sanh Thuận Quyết Trạch Phần.

Đã nói chuyển đổi đến Dư Sanh Minh Sanh Bất Định. Lại có Pháp Sư nói về bốn ý và chẳng nói về điều lành đồng mãi. Bát Nhã nói: Cầu nhập vào chánh tánh lìa sanh, căn cứ vào việc chẳng dễ dàng thọ nhận sự luyến ái. Đã chẳng thọ việc luyến ái dễ dàng, thì sự sáng suốt ấy tức là đi đến Thánh quả lớn, chẳng phải nhỏ. Nói Định Sanh cùng với Giả Thực kia. Lúc ấy lại giải thích thêm rằng: Giả sử phạm phu chưa cầu ở nơi Tiểu; tức là cầu Đại Thừa. Cho nên Bất Định Tánh ấy lại có tên là Tiệm Ngộ. Do đó chẳng có thể một lần qua lại vậy. Trong ấy lại thối lui; nên nói rằng chẳng nghe nói một thừa; cho nên có thể thối lui.

Nếu mà nói chẳng nghe nói về Nhứt Thừa; tức có thể có sự thối lui. Nghe nói về Nhứt Thừa tức liền chẳng thối. Xá Lợi Phất cùng hội chúng lại nghe nói về Diệu Pháp Nhứt Thừa. Như thế sao có sự thối lui? Dùng điều này cho nên rõ biết hay có Tiểu tánh gọi là thối lui để chấp vào Tiểu. Được Thánh rồi mới quay trở lại lúc ban đầu

thành bất thối. Cho nên gọi là Tiệm Ngộ. Giả sử có nhiều loại cảnh giới, duy chỉ có hình thức của Tiểu tánh, lại có bất thối. Cuối cùng điều này lấy một phần chủng tử của Tiểu Thừa để trở thành Tiệm Ngộ. Cho nên pháp ấy gọi là Tiệm Ngộ. Đó cũng là Bất Định Tánh vậy.

Hỏi rằng: Đã vì đoạn nghi; nên nói Diệu Pháp. Vì sao nghe rồi nghi liền sanh?

Đáp rằng: Nghi ấy có cũ và mới. Nghi cũ chẳng được làm Phật; cho nên chưa hồi tâm. Nói rằng ngày xưa chẳng thật, đều sẽ làm Phật. Đầu tiên nghe chỗ Phật nói, trong tâm hay có lo sợ lớn; chẳng phải là ma giả Phật làm náo loạn tâm ta ư! Cho đến khi ta nghe, lưới nghi đã đoạn rồi, vì đoạn nghi; nên nói rằng Định sanh; tức là khi điều này sanh thì một chỗ Thuận Quyết Trạch Phần vậy.

Tập tập thứ 13 nói rằng: Chưa đầy đủ tư lương thì chúng sanh làm cho đầy đủ. Khi chúng sanh chưa đầy đủ tư lương đã làm đầy đủ rồi; cho đến nói như vậy ba loại chúng sanh đều do thành tựu Thuận Giải Thuyết Phần, Thuận Quyết Trạch Phần, mỗi mỗi có 3 phẩm. Ước(Giáo)hay dẫn đến Sanh Thuận Quyết Trạch Phần và Chơn lý hiện thấy. Như thế lần lượt chưa Định liền Định; tức là điều này lúc sanh thì đối với Đế Tăng Thượng Pháp thanh tịnh, tướng Thắng Giải là Thuận Giải Tháo Phần. Đối với Pháp Đế, Pháp Nhẫn tướng là Thuận Quyết Trạch Phần. Như điều này lần lượt Tín tăng lên; cho nên Huệ cũng tăng.

Ở trong đây 3 phẩm Thuận Quyết Trạch Phần thì trừ Thế Đế Nhất Pháp. Do tánh của Đế Nhất Pháp chỉ trong một sát na liền chẳng tương tục; tức là điều này khi sanh, Định Nhập Hiện Quán, chẳng phải là vị trí ở trước vậy. Câu văn phía trước hiển bày Tư Lương Gia Hạnh 2 vị và trong ấy mỗi mỗi có 3 phẩm. Như đây lần lượt chưa định sẽ định; tức là việc sanh này ở tại phiên nào nhĩn. Trừ Thế Đế Nhất Pháp. Thế Đế Nhất Pháp tuy trong một sát na liền chẳng tương tục; chẳng thể phân chia. Cho nên nói: tức điều này khi sanh là Định Nhập Hiện Quán vậy. Căn cứ điều này, sát na sanh để nói. Tiền Giải Tháo Phần gọi sanh này là Ước Nhất Kỳ Sanh. Lại nữa, giải thích cho đầy đủ thì Ước(Giáo)nói là Nhất Kỳ

Sanh. Dùng Thế Đệ Nhất Pháp tức là Sanh Thời này. Nghĩa là Trừ Thế Đệ Nhất Pháp làm rõ Ước Nhứt Kỳ; chỉ Tăng Thượng Nhân lại cùng với một sát na giống như ngăn cách Thế Nhất Thế Pháp. Chẳng phải điều này; tức là sát na sanh. Không nghe, chỉ thấy.

Lại nữa Phục Thông phân ra Yên Đảnh Nhân có 3. Vì ba ấy nghĩa là Tỳ Thuận Quyết Trạch như thế. Sự phân chia ấy có sáu loại. Một là Tùy Thuận Thuận Quyết Trạch Phần. Hai là Thắng Tiến. Ba là Thông Đạt. Bốn là Dư Chuyển. Năm là Nhất Sanh và sáu là Nhất Tọa. Đầu tiên chỗ khởi duyên vào Đế Cảnh thực hiện phần thiện căn hạ phẩm. Gọi đây là Tùy Thuận Thuận Quyết Trạch Phần. Tức là căn lành này chuyển thành Trung Phẩm. Gọi là Thắng Tiến Thuận Quyết Trạch Phần, hướng về Hạ Phẩm phía trước để làm tăng thêm lên vậy. Tức là căn lành này tăng lên đến Thượng Phẩm. Đối với việc sanh này quyết định sâu xa có thể thông đạt Đế Lý. Gọi Thông Đạt Thuận Trạch Phần. Ba loại trước này tại Nỗn Đảnh Nhân Vị. Nếu Ước(Giáo)theo Tiểu Thừa thì có thể như thế phân phối Vị Định rồi trở nên Định; tức là Sanh Thời này.

Nếu Đại Thừa thì Trung Nhân Mãn Vị mới gọi Sanh Thời này. Nếu ở tại Hạ Nhân cho đến Trung Nhân Vị thì chưa đầy đủ. Giống như Đa Sanh vậy. Còn Nhị Thừa Vị tuy là Sanh này có thể có quay lại. Gọi là Dư Chuyển Thuận Quyết Trạch Phần; nếu Dư Chuyển ấy sanh ra Sanh này; tức là Bất Định. Để cầu Độc Giác Vô Thượng Bồ Đề thì liền ở nơi Đa Sanh Tu Thắng Hạnh. Nếu ở tại Đại Thừa thì Thuận Quyết Trạch Phần vậy. Liền không quay lui lại ở chỗ thấp hơn. Quyết một đời cùng với Đệ Thất Trụ, sớm gọi là Bất Thối. Quyết Trạch Phần này ở tại hồi hướng tu. Dùng sự so sánh này; nếu Thuận Giải Thối qua khỏi Đệ Thất Trụ, chưa Định đã Định thì tất cả đều chưa phải Dư Chuyển. Dư Chuyển và phía trước đã nói; cho nên từ Hạ Trung Thuận Giải Thối Phần, Thuận Quyết Trạch Phần có nghĩa là có thể thối.

Căn cứ vào Nhị Thừa Vị để nói; nếu ở nơi Sanh Định này, có thể thông đạt, thì đây gọi là Nhân Sanh Thuận Quyết Trạch Phần. Như trước đã nói về Thông Đạt, theo Ước(Giáo)Nhị Thừa Vị công năng mà nói thì chẳng phải Bất Định Tánh tức là Bất Quyết Định. Dư

Chuyển Quyết Trạch chỉ Bất Định Tánh. Một đời Thuận Quyết Trạch Phần căn cứ nơi Quyết Định Tánh. Mỗi mỗi thú hướng nơi mỗi Thừa; hoặc lại Thông ấy có Bất Định Tánh.

Căn cứ vào Bất Hối Tâm tức là một đời nhập vào Phi Bất Định Tánh. Tất cả đều thấy đạo phía trước; tức là có thể Hối Tâm. Trong đời sống ấy lại trải qua Bất Định Tánh. Ở trong Thượng Nhẫn, như câu văn phía trước về Trừ Thế Độ Nhất Pháp, chỉ có một sát na vậy.

Ba loại Luyện Ma Tâm đoạn lìa Bốn Chương; trong Vô Tánh Nhiếp Luận phần thứ 6 nói rằng: Nơi thuyết này rõ biết chỗ Sở Tri Tướng nhập vào Sở Tri Tướng. Vì sao thường thấy đa văn huân tập và nương tựa, chẳng phải chỗ nhiếp của A Lại Gia Thức? Kế đó hỏi rằng ai có thể rõ biết để có thể hỏi người có thể nhập?

Nghĩa là Đại Thừa đa văn huân tập tương tục rồi, được gặp những việc rất nhiều mà chư Phật đã xuất hiện ở đời trước. Được ở hướng Quyết Định Thắng Giải rồi, lành chứa nhiều căn lành, làm giàu cho Phước Trí Tư Lương. Bồ Tát với câu đáp này có thể nhập vào nơi người, căn cứ vào đó để khởi lên Hiện Hành Đa Văn, huân tập thêm cho hai tư lương. Nơi nào có thể vào và có thể Nhập Vị?

Nghĩa là liền ở nơi kia cái thấy giống với Pháp và với ý nghĩa. Nói rằng Đại Thừa Pháp Tướng cùng với chỗ sanh khởi Thắng Giải Hạnh Địa sánh với Pháp Nghĩa giống này; tức là nhập vào Đăng Sở Sanh Thắng Giải Hạnh Địa, thấy được Đạo, Tu Đạo, cứu cánh đạo; ở trong ấy có thể đáp là Nhập Vị.

Đối với 4 Vị này theo sự nghe mà được thắng giải. Trị tất cả chương. Cho nên lìa tất cả chương vậy. Như thế lần lượt 4 con đường có thể lần lượt đi đến chỗ sai biệt.

Luận rằng: Do những gì mà có thể nhập và do căn lực lành nào mà có thể gìn giữ vậy?

Đó là 3 loại tướng Luyện Ma Tâm vậy; tức là 4 xứ, giải pháp nghĩa cảnh, chỉ quán hằng thường ân trọng gia hạnh, không phóng dật.

Giải thích rằng: Do những gì mà có thể nhập? Câu hỏi này là vào nhơn. Nghĩa là do nhơn gì; tức là do thiện căn lực sở nhiệm tri vậy. Tuy có thiện căn lực, mà tâm hoặc thối lui vậy.

Nói về 3 loại tướng luyện ma tâm. Ba loại luyện ma ấy là: Vô lượng các thế giới, rất nhiều con người trong một đời của loài hữu tình mỗi sát na sát na chứng được điều giác ngộ Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề. Đây là phần thứ nhất.

Do ý này vui có thể làm việc thí. Ta cũng được có ý vui như thế, thì đây là ý lạc. Ta do điều này dụng công lực ít về tu tập bố thí, sẽ được viên mãn. Đây là điều thứ hai.

Nếu có thành tựu các chương trong việc thiện, đến khi lâm chung tức liền có thể thương tất cả chúng sanh tự thể viên mãn mà được sanh. Ta có Diệu Thiện Vô Chướng Ngại Thiện.

Vì sao lúc ấy chẳng thể được tất cả viên mãn? Đây là điều thứ ba.

Giải thích rằng: Vô lượng những thế giới cùng với sự hiển thị đầu tiên luyện dẫn kia đến thí dụ này, làm cho tâm tăng cảm, chẳng có thối lui. Do việc ý vui này mà làm rõ phần thứ hai. Nếu những người thành tựu thì hiển thị phần thứ ba. Rộng như kia đã giải thích.

Luận rằng: Do vì lìa Thanh Văn Độc Giác có tác ý đoạn trừ tác ý. Do nơi Đại Thừa, các nghi đã lìa thì có thể vĩnh viễn đoạn trừ huệ nghi khác. Do lìa chỗ nghe, chỗ suy nghĩ, trong ngã, ngã sở, chấp đoạn, chấp pháp. Do nơi hiện tiền, hiện trụ, an lập tất cả tướng, không có chỗ tác ý, không có chỗ phân biệt, đoạn phân biệt.

Giải thích rằng: Đoạn tác ý nghĩa là đoạn trừ Nhị Thừa phân biệt tác ý. Ý này được giải thích rằng: Cho nên lìa Thanh Văn cùng với tác ý, rồi có thể đoạn trừ. Chẳng khởi lên việc chấp thủ tâm nhị thừa.

Giải thích rằng: Thường hay xa lìa đoạn trừ huệ nghi vậy. Nghĩa là ở nơi Đại Thừa sâu xa quảng đại, chẳng khởi sai biệt huệ điền đảo và nghi. Ý này được giải thích rằng: Do nơi Đại Thừa các nghi đã

lia vậy. Các nghi đã lia cho nên nói rằng các nghi ấy tức là Phật nói Hiền, Mật ba tạng đủ loại chẳng giống nhau mà khởi lên nghi hoặc; gọi đây là các điều nghi.

Nói là lia nghi là hay lấy sự đoạn lia vĩnh viễn việc đoạn chấp pháp vậy. Nghĩa là đối với chỗ nghe, chỗ suy nghĩ về pháp có thể vĩnh viễn đoạn trừ ngã và ngã sở chấp. Nghĩa là ngã hay nghe, ngã hay tư duy. Chỗ giác, nghe, chỗ suy nghĩ. Như ngã chấp trước tất cả đều là không. Đối với nghĩa này sẽ chứng hiện tiền quan vậy. Ý này được giải thích rằng: vì sao lại không có chấp này?

Vì ở nơi thắng nghĩa chứng được hiện quán và đoạn trừ pháp chấp. Căn cứ vào chỗ không chấp nghe, suy nghĩ; nên gọi đây là đoạn pháp chấp. Pháp chấp đã không, ngã chấp lại đoạn. Chẳng khởi lên ngã hay nghe, suy nghĩ, hiểu biết.

Phần thứ tư lại lia các pháp chấp, nói về bảy địa và 4 hạnh của Bồ Tát. Bảy địa gồm: Một là chủng tánh địa. Nghĩa là chủng tánh chưa phát tâm vị. Hai là Thắng Giải Hạnh Địa; tức là Thắng Giải Hạnh Trụ phát tâm đã xong tại nơi Địa Tiên, ba lần tăng lên Thượng Ý Lạc Địa; tức là Cực Hỷ Trụ ở nơi Sơ Địa.

Tứ Chánh Hạnh Địa nghĩa là Tăng Thượng nơi giới trụ, tăng thượng nơi tâm trụ. Giác Phần tương ưng với Tăng Thượng Huệ Trụ. Đề Phần tương ưng với Tăng Thượng Huệ Trụ. Duyên Khởi tương ưng với Tăng Thượng Huệ Trụ. Có Gia Hạnh, có công dụng, chẳng có tướng trụ. Tổng cộng có 6 trụ; gọi là Chánh Hạnh Địa. Như thế lần lượt lia cầu mãi cho đến Viên Hành.

Năm là Quyết Định Địa; tức là không có Gia Hạnh, không có công dụng trụ. Ở Đề Bát Địa có ba loại quyết định. Một là tánh quyết định; hai là phát tâm quyết định và ba là bất hư hạnh quyết định. Ở nơi đề bát địa này rơi vào ở đề tam quyết định; cho nên nói là quyết định hạnh địa. Tức là Vô Ngại Giải Trụ.

Ở đề cửu địa thì có bảy thí dụ về Cứu Cánh Địa. Tức là tối thượng thành mãn Bồ Tát trụ lại cùng với Như Lai trụ. Ở Địa thứ 10 sánh với Phật Địa. Đề Thập Địa gọi là Cứu Cánh Phật Địa. Kết quả là Cứu Cánh vậy.

Tứ Hạnh gồm có: Một là Bồ Đề Phần Pháp Hạnh; hai là Thân Thông Hạnh; ba là Ba La Mật Đa Hạnh; bốn là Thành Tựu Hữu Tình Hạnh. Nguyên Nhân khởi lên có hai. Một là Thông; hai là Biệt. Thông ấy là quan dư giáo; biệt ấy thuộc một kinh vậy. Thông ấy có nhiều nghĩa. Hữu vi đầu tiên do nhơn khởi; nên nói các pháp; tức là vô lượng nghĩa kinh nói rằng: Pháp vô lượng.

Dùng những tánh dục của vô lượng chúng sanh ấy ; nên chỗ nói pháp cũng vô lượng. Điều này sanh ra là do nguyên nhơn này khởi. Lại nữa một nguyên nhơn khác theo kinh Pháp Hoa nói rằng: Vì những chúng sanh này nên mới khởi tâm đại bi. Đây ý nói Đức Phật do từ bi này mà khởi lên để nói kinh có hai nguyên nhơn; tức là tổng nói về hai việc trước. Phần thứ 20 của Duy Thức nói rằng: Triển chuyển tăng thượng lực và hai thức thành quyết định. Lại có hai nguyên nhơn: Trong bài tụng của Pháp Hoa nói rằng: Nhiều loại nhân duyên lấy vô lượng thí dụ để làm sáng tỏ cho Phật Pháp, nhằm khai ngộ cho chúng sanh. Đây chính là vì Pháp vì người làm hai loại nhân duyên. Lại có 3 nguyên nhân. Theo kinh Bát Nhã nói rằng: Trụ như thế nào, tu như thế nào và hàng phục tâm này như thế nào? Duy chỉ Ước(Giáo)phát khởi nơi Đại Thừa để hỏi về sự thật. Ba Thừa đều đầy đủ; giản lược hai thừa thì nói ý thú Đại Thừa. Tức là ba nguyên nhân này. Một là làm cho phát tâm; hai là làm cho tu hành và ba là làm cho đoạn chướng. Như thế lần lượt làm cho sáng tỏ con đường này, thành tựu con đường đạo vậy. Chẳng mất Đạo. Điều này theo việc tu hành của Ước(Giáo) lần lượt sẽ nói đến.

Lại có bốn nguyên nhơn , như Pháp Hoa phần thứ ba nói rằng: nghĩa là những người chưa được độ thì làm cho được độ; những người chưa hiểu thì làm cho hiểu; những người chưa an thì làm cho được an; những người chưa chứng được Niết Bàn thì làm cho chứng Niết Bàn. Nghĩa là làm cho những chúng sanh chưa lìa khổ thì làm cho được lìa khổ; chưa được vui thì làm cho được vui; chưa phát tâm dứt ác tu thiện thì làm cho phát tâm bỏ ác tu thiện. Những người chưa chứng quả thì làm cho được chứng quả. Những điều này nương vào thệ nguyện rộng lớn hóa độ chúng sanh theo thứ lớp.

Lại có năm nguyên nhơn. Theo Tư Ích Kinh phần hai nói rằng: Nếu người nào hay ở nơi Như Lai căn cứ vào văn tự chương cú để nói rõ ràng tùy thuận, cho đến nói rằng có thể rõ biết Như Lai dùng những gì để nói pháp, dùng tùy nghi để nói. Dùng phương tiện nào để nói, dùng pháp môn nào để nói, dùng tâm đại bi nào để nói. Dầu Phạm Thiên hay Bồ Tát có thể rõ biết Như Lai, dùng Ngũ Lực để nói: đây là Bồ Tát có thể làm Phật sự. Dùng những gì để nói pháp tức là nói ba đời thế và xuất thế gian sanh tử Niết Bàn, uẩn, xứ, giới v.v.tức là luận bàn về pháp thế, dùng những gì tùy nghi để nói; tức là tùy theo căn cơ nghi hoặc. Hoặc tranh luận hoặc chẳng tranh luận; nói về ngã, vô ngã v.v.hoặc nói rõ ràng hoặc nói ẩn dụ.

Dùng những phương tiện nào để làm cho chúng sanh lìa khổ, hoặc làm cho được an lạc, chỉ bày lợi ích rõ ràng ở nơi không lời dùng để thuyết pháp cũng là phương tiện. Dùng pháp môn gì nghĩa là ở nơi một pháp các môn để nói vậy. Dùng tâm đại bi nào để khởi lên bốn nguyên nhơn kia? Đầu tiên ở chỗ 2 và 4 để nói. Phần thứ ba thông qua có thể nói. Phần thứ năm có thể khởi lên nguyên nhơn; tức là làm ba ví dụ. Đầu tiên hai và bốn làm chỗ nói. Phần thứ ba do có phương tiện cho nên có thể khởi nói. Phần thứ năm do có đại từ bi; cho nên vì vật mà khởi ở nơi phương tiện nói cho kia nghe pháp kia.

Đại Bi ấy có 32, như nói các pháp vô ngã, mà những chúng sanh chẳng tin, chẳng rõ. Như Lai đối với điều này khởi tâm đại bi, liền tùy theo cảnh giới của sanh kia mà chẳng rõ. Mê một nơi sanh tử, chẳng thể ra khỏi; cho nên khởi tâm đại bi. Tùy theo nơi kia chẳng rõ biết tâm đại bi mà liền nói. Từ đó làm cho chúng sanh có thể giảm dần. Lòng từ của Như Lai chính là chỗ cảm ứng.

Lược nói có hai duyên. Mở bày có năm. Nói rộng ra thì vô lượng; giống như Du Già Nhiếp Thích Phần nói. Sau đó giải bày.

Lại nữa có sáu nguyên nhơn mà Bồ Tát Vô Trước nơi Bát Nhã luận đã giải thích. Tu Bồ Đề hỏi ý ấy có 6. Phật vì đó mà đáp có 6 ý. Luận rằng: Vì sao mà Thượng Tọa Tu Bồ Đề hỏi vậy? Đáp rằng: Có 6 nhơn duyên, vì đoạn nghi, vì khởi lòng tin, vì thâm

nhập pháp, vì chẳng thối chuyển, vì sanh hoan hỷ, vì chánh pháp ở lại dài lâu. Nếu kẻ có nghi thì được đoạn nghi. Nếu đã đoạn nghi rồi, có lạc phước huệ, mà tâm chưa thành tựu thì các Bồ Tát và Thanh Văn phước đức ở nơi Bát Nhã kinh mà khởi tín tâm rõ biết. Kẻ đã được tâm thành tựu rồi thì thâm nhập vào nghĩa ấy. Phước đức này chẳng nhẹ, do người ấy mong thọ trì tu hành, có nhiều công đức, chẳng trở lại thối chuyển. Người mà đã được thuận nhiếp và tâm thanh tịnh thì đối với pháp tự nhập vào, đồng sanh hoan hỷ. Có thể làm cho vị lai Đại Thừa giáo ở lâu; cho nên Pháp Hoa mới có sự suy lường trên dưới vậy.

Lại có tám nguyên nhơn. Từ Pháp Hoa đệ nhất Ngài Văn Thù Sư Lợi đáp văn thành tựu có 8 nghĩa lớn. Nhơn đây mà chia ý nghĩa ra. Nếu chia theo Du Già 81 Nhiếp Thích Phần thì, cách giải thích kinh theo quy tắc là trước giải thể loại của kinh, sau đó giải thích văn nghĩa, pháp v.v. Bắt đầu giải thích chỗ khó, kể đến giải thích nghĩa lại có nhiều. Phần thứ tư là nương vào nơi chốn và tổng quát đề lập nên chỗ phát khởi của nhơn duyên. Luận kia nói rằng: Như trên đã nói là nói sự việc, nơi thời gian và nơi chúng sanh.

Chư Phật Thế Tôn lưu bố Thánh Giáo cho nên nói tên kia là vì nương vào nơi chốn và sự việc. Nương vào nơi chốn có 3. Một căn bản sự việc nương vào nơi chốn lại có 6. Một là nơi lành; hai là nơi ác, ba là thoái tùy, bốn là thăng tiến, năm là sanh tử, sáu là Niết Bàn sanh tử. Ở phía trước phần 4 Niết Bàn, tức Dư và Vô Dư v.v. Ở trong ấy 3 đối lại với 2. Việc được phương tiện nương vào nơi chốn lại có 12; tức là 12 hành. Một là dục hành, hai là nan dục hành, ba là thiện hành, bốn là bất thiện hạnh, năm là khổ hạnh, sáu là phi khổ hạnh, bảy là thuận thoái phần hạnh, tám là thuận tiến phần hạnh, chín là tạp nhiễm ô hạnh, mười là thanh tịnh hạnh, mười một là tự lợi nghĩa hạnh, mười hai là lợi tha nghĩa hạnh. Trong ấy 6 đối với 3.

Nương vào sự bi mẫn của việc kia lại có 5. Một là làm cho lìa dục, liền vì đây mà nói sanh tử sai quấy; hai là thị hiện tức là vì hiển thị bốn loại đạo lý. Nghĩa là pháp nhĩ nhân duyên chứng thành tác dụng 4 loại đạo lý kia; ba là chỉ bày tức là kẻ chưa phát tâm chỉ vẽ làm cho phát tâm tu các chánh hạnh; bốn là tán dương người thấy

kẻ thối lui, khuyến tấn khuyến bảo làm cho họ tiến; năm là kẻ vui mừng thấy có thể tiến tu mà lại thoái lui, làm cho sanh vào chỗ hoan hỷ.

Thời gian nương vào nơi chốn tức là ba đời mà chúng sanh y cứ nương vào nơi ấy. Nghĩa là 27 loại chúng sanh ấy nương vào Nhiếp Tư Ích Kinh Như Lai Ngũ Lực. Sự nương vào nơi chốn; trong ấy lấy căn bản sự nương vào nơi chốn và thời gian nương vào nơi chốn. Lấy điều kia để thuyết pháp những gì nhiếp được phương tiện nương vào nơi chốn. Nghĩa là tùy nghi như thế nào thuyết pháp và dùng phương tiện gì, pháp môn gì để nhiếp. Hoặc dùng đại bi và phương tiện nào để nhiếp. Bi mẫn nương vào nơi chốn tức là lia dục v.v.

Ước(Giáo)phương tiện có thể khởi lên 5; tức là vì lòng thương đối với chúng sanh nương vào nơi chốn lại vì đại bi mà nhiếp. Du Già Ước(Giáo)có thể thương chỗ thương mà biệt khai. Tư Ích căn cứ vào việc khởi bi làm như, lại dùng đại bi nhiếp; cho nên kinh kia nói rằng: như nói các pháp vô ngã mà chúng sanh sanh ra chẳng tin chẳng rõ. Như Lai đối với điều này mà khởi lên lòng thương. Sự hiển bày này ở nơi chư Phật là do lòng bi vậy. Vì chúng hữu tình nương vào chỗ lạnh, dữ, cho đến tự tha lợi hành tùy theo nơi đây mà có thể làm cho rõ biết. Cùng với những công đức dấu niềm vui tu đoạn để cho chúng được và làm cho lia dục , chỉ bày tán thán hoan hỷ. Ở trong kinh vẫn tùy theo nghĩa mà chia ra. Sự phiền phức chẳng thuật lại.

Cách khác theo Đại Trí Độ Luận, trong ấy nói: Ở đây vì khởi ý, ý ấy là nguyên như để thỉnh. Những việc này đều là như thế. Nay lại từ nơi kinh mà khởi ý, trong ấy tổng cộng có 10 môn. Nói cách khác có 52. Một đảng là vì hiển nơi một mà nói kinh này có bốn loại. Một đảng khác là một ấy hiển nhất thừa; cho nên nói kinh này. Vì vậy phần thứ hai nói trong kinh này duy chỉ nói một thừa. Hai là vì hiển bày việc bình đẳng của Thế Tôn với Đại Huệ. Đa Bảo tán thán bảo rằng hay bình đẳng với Đại Huệ. Ba là vì hiển chơn như thế, duy như tướng cho nên nói kinh này. Cho nên phần thứ ba nói rằng Như Lai trí là một tướng một vị vậy. Trước ba kia làm cho ngộ. Bốn là vì tất cả sắc thân Tam Muội; nên Hỷ Kiến Bồ

Tát cũng được hiện nhất thiết sắc thân tam muội. Trong số nhiều ấy lược ra nơi đây chỉ có bốn. Điều thứ nhất lược rõ về nguyên nhân làm cho tu có hai. Vì hiển hai lại có bảy. Một là hiển giáo lý, hơn hai nên nói kinh này.

Cho nên phía dưới câu văn nói rằng chư Phật trí huệ thậm thâm vô lượng, với cửa trí huệ này khó hiểu, khó vào. Luận giải thích rằng: Việc chứng sâu xa ấy cùng với việc chỉ bày sâu xa kia lại như hoa sen hai nghĩa. Lại nhiếp ở cửa này và nay thì muốn nghe. Hai là vì hiển nhơn quả cả hai cửa. Trong luận này nói rằng từ đây trở đi làm rõ tướng nhơn quả, làm cho vui tu vậy. Phần thứ ba là vì hiển quyền thật hai thừa mà câu văn ở dưới dùng một Phật thừa, vì chúng sanh để nói pháp. Chẳng có thừa nào khác, hoặc hai hoặc ba. Lại nói rằng duy chỉ có một sự thật. Ngoài hai tức chẳng đúng và làm cho chấp thủ vậy. Phần thứ tư hiển chơn hóa thành hai thân. Thọ Lượng Phẩm nói rằng: Họ đều vì ta mà ra khỏi cung giòng họ Thích. Từ khi ta thành Phật đến nay vô lượng A Tăng Kỳ kiếp, làm cho rõ biết việc chơn hóa này. Phần thứ năm hiển tổn ích hai hạnh. Cho nên trong phẩm Bất Khinh nói rằng: Với kẻ cúng dường, cúng dường này như thể hướng đến để nói. Những người phỉ báng như trước đã nói, làm cho phòng ngừa để tu vậy. Phần thứ sáu là hiển quyền, bỏ dơ sanh tịnh, như Dược Vương Bồ Tát Bản Sự Phẩm v.v.. nay lìa ác gần thiện vậy. Phần thứ bảy là dấu phía dưới hiện ở trên. Phần thứ tám như đã nói là sẽ sanh Đạo Lợi Thiên v.v làm cho lìa sự lo sợ sẽ gần gũi.

Ba là hiển ba có bảy. Một hiển ba về chỗ ở. Câu văn phía dưới nói rằng: Lại thấy cõi kia, thấy ở chư Phật và nghe chư Phật nói kinh pháp; lại thấy ở kia các vị Tỳ Kheo v.v.. Lại nữa ở phần thứ hai nói rằng: Nếu có thể được tin kia để nói thì liền thấy nơi ta và các vị Tỳ Kheo Tăng cùng các vị Bồ Tát. Luận rằng: Phật và Đề Tử thì hiện khác nhau hiện ra Tam Bảo, làm cho vui khởi niềm tin. Phần thứ ba hiển Ba Thừa khác nhau. Nghĩa là Tỳ Kheo cùng với tứ chúng và thấy các vị Bồ Tát đầy đủ nhân duyên để cầu Phật đạo.

Luận rằng: Lại cũng có Thừa khác nhau cho nên có sự cao thấp. Phần thứ ba Thế Tôn hiển 3 cỗ xe để giáo hóa. Kẻ nhập định thì hiện ra xe của tâm nhớ nghĩ; việc phóng quang thì xe ấy hiện ra

cảnh thân thông; người thuyết pháp thì hiện ra xe giáo huấn. Khiến cho kẻ trí khởi tâm tôn trọng. Phần thứ tư hiện ra việc thấy rõ 3 tánh. Câu văn ở dưới nói rằng: Chư Phật Lương Túc Tôn rõ biết pháp thường vô tánh. Giống Phật từ nhân duyên khởi; cho nên nói một Thừa là Pháp Vị vậy. Khiến cho rõ ba tánh và đạt được chỗ rõ biết. Phần thứ năm hiển bày ba thắng hạnh. Phần phía dưới nói rằng: Vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai và ngồi tòa Như Lai. Vì hiển bày thắng hạnh để làm chỗ tu học. Phần thứ sáu hiển bày 3 loại bình đẳng. Một là Thọ nhận sự thọ ký của Phật cho các vị Thanh Văn được làm Phật. Hai là Phật Đa Bảo đã vào Niết Bàn; nhưng từ Niết Bàn mà dậy. Ba là hiện ra thân Phật để nhiếp hóa tất cả Phật. Cho nên luận nói rằng: Vì trừ ba loại nhiễm, không phiền não, tam muội, thấy chúng nhiễm kiêu mạn nên nói ba bình đẳng. Ba loại nhiễm mạn là: Một là tin các Thừa khác nhau. Hai là tin Niết Bàn ở thế gian khác nhau. Ba là tin ở thân này, thân kia khác nhau; khiến cho chúng được chơn lý, nhiếp tự, hóa tha. Phần thứ bảy là Phật hiển bày ba sự giác ngộ. Kinh phía dưới tất cả đều có ý là Như Lai ra khỏi cung dòng họ Thích là hiện hóa thân. Ta thật từ khi thành Phật đến nay dài lâu là hiển báo thân. Như Lai rõ biết như thật về ba cõi; nên hiển thị pháp thân để nói và phần thứ tám là thị hiện thành sự giác ngộ lớn, bậc vô thượng, thị hiện ba loại Phật giác ngộ v.v... làm cho rõ biết chơn hóa mà cầu chứng đạo.

Bốn là hiển bày 4 ấy có bảy. Một là hiển thị Như Lai có 4 cách nói về nguyên nhơn lại nói bốn loại thành tựu. Một là đã thành tựu rồi; tức là các loại phương tiện; hai là giáo hóa thành tựu; tức là các loại tri kiến. Ba là công đức cứu cánh thành tựu; tức là các loại niệm quán. Bốn là nói năng thành tựu; tức là đủ loại ngôn từ, làm cho rõ biết hai sự ưu việt, khởi lên sự khát ngưỡng. Hai là hiển thị khai thị ngộ nhập bốn loại công việc, làm cho rõ quả, hạnh, nhơn. Ba là hiển 4 hạnh Bồ Đề.

Phần phía dưới nói về pháp du hí thân thông của Bồ Tát, tịnh Phật quốc độ và thành tựu chúng sanh, khiến tu hành tinh tấn. Thứ tư hiển 4 an lạc hạnh; tức là phẩm An Lạc Hạnh. Một là Chánh Thân Hạnh; hai là Chánh Ngữ Hạnh; ba là ý lìa các việc ác, tự lợi hạnh; bốn là cùng tu các hạnh lành làm lợi lạc cho người khác, khiến

việc hoằng pháp lợi sanh, học điều có, bỏ điều chẳng phải. Năm loại hiển Như Lai 4 loại thắng lược. Phẩm Dũng Xuất nói rằng: Như Lai nay muốn hiển phát tuyên nói chỉ bày thân lực của chư Phật, trí tuệ của chư Phật, lực tự tại của thần thông, lực sư tử phần tán của chư Phật, lực đại uy thế của chư Phật; khiến cho rõ biết chỗ thâm diệu kia. Sáu là hiển thị Như Lai có 4 loại tất cả. Phẩm Thần Lực nói rằng: Như Lai làm chủ tất cả các pháp; Như Lai có năng lực tự tại tất cả; Như Lai tàng chứa tất cả bí mật; Như Lai có tất cả mọi việc sâu dày. Bốn việc tất cả ấy làm cho có thể rõ biết, khuyên dạy chỗ tốt đẹp.

Bảy loại hiển thị thành tựu 4 pháp chưa thay thế được nghe kinh này. Phẩm Phổ Hiền nói rằng: Một là chư Phật hộ niệm; hai là trồng các cội công đức; ba là vào Chánh Định Tự; bốn là: phát tâm cứu vớt tất cả chúng sanh làm cho rõ biết thắng pháp khó nghe, liền tu thắng hạnh, sau đó mới được nghe; năm là vì làm sáng tỏ năm ấy có 7; một là hiển bày trí tuệ thâm sâu. Luận giải thích rằng: Trí huệ lại có 5 loại thâm sâu. Một là nghĩa; hai là thể; ba là nội chứng; bốn là nương vào; năm là vô thượng thậm thâm, làm cho vui chúng. Hai là hiển bày giáo môn có 5 loại khó. Trong Luận Diệp Kinh nói rằng: Trí huệ môn này khó thấy, khó biết, khó rõ, khó hiểu, khó vào, làm cho chúng sanh tìm cầu, nguyện muốn được nghe. Ba là làm hiển 5 loại trực. Phía dưới nói về nghĩa của kiếp trực, khiến cho sanh xa lìa, hiển ra lòng đại bi của chư Phật. Bốn là hiển 5 loại yếu kém chẳng vì nói một. Phẩm Phương Tiện nói rằng: Độn căn vui nơi pháp nhỏ, tham đắm nơi sanh tử. Đối với tất cả vô lượng chư Phật chưa thật hành thâm sâu diệu đạo; những sự khổ ấy nào loạn, vì đây mà nói Niết Bàn; khiến cho xả bỏ chỗ yếu kém của người.

Năm là hiển thị năm đức, vì nói một Thừa. Phía dưới nói có Phật Tử tâm tịnh nhu nhuyễn, lại lợi căn; nên vô lượng chư Phật ở nơi đó mà thực hành diệu đạo, khiến cho học được điều thắng diệu. Sáu là làm rõ Ngũ Thừa, khiến cho rõ biết căn tánh. Một là mưa nhuần thấm, làm cho các loại sanh trưởng. Luận giải thích rằng: kẻ vì một hướng cầu Đại Thừa, tăng thượng mạn nói rằng không có

Thừa sai biệt, khiến cho rõ biết các loại Thừa khác nhau. Nói ví dụ mưa, khiến cho biết rằng gốc rễ căn cơ tùy nghi giáo hóa vậy.

Phần thứ bảy hiển 5 duyên mới nói một Thật. Trong Hóa Thành Phẩm nói rằng: Tự rõ Niết Bàn thời đến. Chúng sanh lại thanh tịnh tin hiểu kiên cố. Rõ biết pháp không, thâm nhập Thiền Định, khiến cho rõ biết pháp khó nghe được an lạc thành thực. Tám là hiển 6 có 6. Một là thị hiện 6 loại chấn động, khiến cho chúng sanh kinh ngạc ngộ ra. Hai là hiện sáu cõi, khiến cho sợ hãi xa lìa. Phía dưới câu văn nói rằng: Tận thấy cõi kia 6 loài chúng sanh. Ba là hiện hành lục độ, khuyến khích làm cho tu học. Như phía dưới bài tụng nói. Bốn là làm rõ với sáu việc thọ ký. Luận nói rằng: Một là chưa nghe khiến cho nghe; hai là nói; ba là nương vào nghĩa gì; bốn là làm cho trụ; năm là nương vào pháp; sáu là lần lượt. Cách chia câu văn có thể rõ; hiển thị điều ngay theo căn cơ, khiến cho bỏ chỗ chấp; năm là hiển thị trang nghiêm sáu căn, khuyến khích làm cho trì tụng, như phẩm Pháp Sư Công Đức nói rộng. Nên biết đó mà trì kinh; sáu là làm rõ 6 loại thọ ký, khiến cho rõ biết quả về sau, rõ biết chỗ khởi lên quyết định có tâm tu học. Nghĩa là biệt ký, đồng ký, hậu ký, vô oán ác ký, thông hạnh ký, cụ nhơn ký như trong luận có giải thích rộng.

Phần bảy hiển 7 lại có 4. Một là hiển Thế Tôn đầy đủ 7 thành tựu. Có đủ loại lời nói làm cho sanh ra có nhu cầu để hỏi. Một là đủ loại thành tựu. Hai là ngôn ngữ thành tựu. Ba là tướng. Bốn là cảnh. Năm là đủ loại. Sáu là giác thể. Bảy là tùy thuận chúng sanh tu hành, nói thành tựu. Theo kinh để có thể rõ, khiến cho người trí đầy đủ biện đức. Hai là hiển 7 loại chúng sanh khởi lên 7 loại mạn, khiến cho rõ biết sự sai quấy. Ba là để trị cách nói này với 7 thí dụ, khiến cho đoạn trừ những chướng nhiễm ô. Như thế luận giải đầy đủ. Bốn là hiển trì kinh đầy đủ với 7 đức; khiến thực hành pháp vậy. Theo phẩm Pháp Sư, liền cầu áo Như Lai để mặc. Lại nữa vì người kia mà chư Phật trong hiện tại nói chỗ hộ niệm. Có niềm tin lớn và chí nguyện lực cũng như những lực của căn lành. Cùng với Như Lai ở chung một chỗ; Đức Phật xoa đầu; khiến cho rõ biết việc trì kinh thành người hoàn hảo, thực hành kinh thâm diệu. Tám là hiển 8 ấy có 4. Một là nguyện chỉ bày đầy đủ 8 việc sâu xa. Giải

thích rằng: Một là độc kinh; hai là tu hành; ba là hạnh quả; bốn là tăng trưởng tâm công đức; năm là thích việc vi diệu; sáu là vô thượng thậm thâm; bảy là vào chỗ thậm thâm; tám là cùng với Thanh Văn Bích Chi Phật tạo ra chỗ ở sâu xa. Câu văn phân chia để rõ; khiến cho rõ biết chỗ sai biệt tốt xấu để chỉ bày. Hai là vì làm cho lìa khỏi 8 việc tà vạy.

Câu văn phía dưới nói về người kẻ bạc đức thiếu phước. Lại nói chẳng câu lục lớn nơi Phật. Lại nói về cái ngã lớn nhiễm ô tà kiến v.v...khiến cho rõ biết tà chánh. Ba là khiến cho tu bát chánh. Câu văn phía dưới nói Thế Tôn rõ biết tâm ta, đánh bật tà thuyết để nói Niết Bàn; khiến cho rõ biết chỗ ưa dùng để được ra khỏi cuộc thế được vui. Bốn là làm cho lìa khỏi tám nạn. Phẩm Đề Bà nói rằng: chẳng sanh vào địa ngục; làm cho rõ biết sự thắng lợi, được kết quả vui đẹp ở đời. Chín là hiển 9 bộ kinh để làm nơi diễn nói; khiến cho rời bỏ quyền uy. Cho nên câu văn dưới nói rằng: Ta đối với 9 bộ pháp này tùy thuận chúng sanh để nói. Lấy việc vào Đại Thừa làm gốc. Cho nên nói kinh này. Khiến cho rõ biết phương tiện, chỉ bày một nửa việc. Mười là làm hiển 10 có 5. Một là chỉ bày Văn Thù được Túc Mệnh Trí, thành tựu 10 việc như hiện tại tiền. Như trong luận giải thích đầy đủ. Biện giải câu văn để hiển bày. Hiển ấy đối với Ngài là chỗ ưu việt vậy. Hai là hiển thị giáo pháp có 10 loại thắng diệu. Câu văn phía dưới diễn nói chánh pháp về sơ thiện, trung thiện v.v...khiến sanh chỗ vui thích. Ba là hiển Đại Thừa lại có 10 vô thượng, khiến cho rõ biết chỗ ưu việt của kinh. Như văn từ đầy đủ và phân chia đầy đủ. Bốn là hiển 10 nghĩa để nói Nhứt Thừa. Rõ biết luận Đại Thừa và luận Trang Nghiêm; khiến cho rõ biết Đại Thừa ấy có 4 bí mật. Năm là hiển thị kinh này có 10 loại thù thắng.

Một là nêu lên sự việc làm sáng tỏ chỗ khó tin, lược đưa ra 6 hạnh để làm sáng tỏ việc khó khăn này. Như phẩm thấy Bảo Tháp nói. Hai là dụ cho loại khó suy lường. Lược đưa ra 10 thí dụ để làm rõ kinh này như phẩm Dược Vương Bồ Tát nói. Giống như tất cả nước sông đều chảy về biển vì tất cả vậy. Ba là chứng nghiệm được hơn Nhị Thừa. Rõ chứng liền đó bảo tháp hiện ra để muốn chỉ bày việc Phật đều đến. Điều này dùng để chứng minh cho việc

thắng diệu. Từ dưới Long Cung tất cả đều hướng về. Phổ Hiền diệu âm nương về nơi Bảo Tháp. Lại nghe tiếng các Bồ Tát đầy đủ uy đức, vây quanh tứ chúng, Long Thiên cùng các Tôn Giả tập hợp, để nghe điều thắng diệu. Bốn là có thể trừ 8 nạn. Theo Thành Thật Luận nói về 4 bánh xe có thể bề gãy 8 nạn. Ở trong kinh này, người nghe ít sinh tin; tức là có thể tổng trừ được. Phẩm Đề Bà Đạt Đa nói: Năm là sanh Thiên liền gặp Phật, như phẩm Phổ Hiền nói. Sáu là được ở Tịnh Độ, liền nghe một phẩm, sau đó vãng sanh về Tịnh Độ. Như phẩm Dược Vương nói. Bảy là chẳng thối Bồ Đề. Một lần nghe sanh tín tâm, chẳng thối bồ đề. Như phẩm Phân Biệt Công Đức nói. Tám là vì phước điền ở đời. Trì kinh 4 câu thì được sự cúng dường thắng diệu của trời người. Một bước tán thán lại vô biên; một việc tán thán kẻ trì kinh phước lại hơn kia. Như phẩm Pháp Sư nói. Chín là phước báu khó nghĩ bàn. Trì độc kinh này công đức vô hạn. Như phẩm Dược Vương và phẩm Phân Biệt Công Đức nói. Mười là mau được thành Phật. Như phẩm Đề Bà Đạt Đa và phẩm Bất Khinh nói. Đầy đủ như trong Hành Nghi nói. Lược đưa ra chỗ đại cương, làm rõ mười môn này, lo toan mà dừng.

Phía trước có 52 duyên. Kinh này là nhơn khởi. Tụng rằng: Đầu 4,3 mỗi mỗi 7,5,7,6 có 6,7,8,4,9,1,10 có 5 nên biết. Kiết Tạng Pháp Sư lược giải thích 10 nghĩa. Một là nói về Bồ Tát Đạo. Hai là thọ nhận việc thỉnh cầu của Phạm Vương. Ba là hiển thị ba đời chư Phật quyền thật ba trí. Bốn là nói về 3 tịnh. Năm là nói về 3 pháp môn căn bản. Sáu là nói về ba loại pháp môn. Bảy là làm chỗ đoạn nghi. Tám là nói Trung Đạo. Chín là tăng trưởng niệm Phật Tam Muội. Mười là ba đời chúng sanh như thật phân biệt tội phước hai môn. Nay lược chỗ kia phần một nói về Bồ Tát Đạo để nói kinh này.

Thời gian đầu từ Hội Hoa Nghiêm đến cuối cùng là Pháp Hoa, tập hợp các kinh Đại Thừa rồi nói Bồ Tát hạnh. Nay vì nhân duyên gì mà lại nói nữa?

Đáp rằng: có 2 Bồ Tát. Một là trực vãng; hai là vu vãng. Nay lại bỏ Tiểu vào Đại Bồ Tát cho nên nói kinh này.

Hỏi rằng: Dùng việc được trí của Hoa Nghiêm để làm trực vắng. Nay lại trở lại nhỏ để nhập vào lớn mà nói?

Đáp rằng: Theo phẩm Dũng Xuất nói: Những chúng sanh này đầu tiên thấy thân ta khi tịch diệt nơi đạo tràng thấy Lô Xá Na nghe chỗ ta nói; nghĩa là dạy Hoa Nghiêm để trừ trước tiên những kẻ tu học Tiểu Thừa, liền rõ biết ở trước chưa làm như người này, nay lại làm cho được nghe kinh này, khiến nhập vào Phật huệ . Cho nên rõ biết bây giờ liền quay về từ Tiểu.

Hỏi rằng: vì sao trước lại trực vắng. Sau đó lại trở lại Tiểu?

Đáp rằng: Tu hành xa gần riêng biệt. Hai là vì thọ nhận sự thỉnh cầu của Phạm Vương cho nên nói kinh này.

Hỏi rằng: Ngày xưa dạy Bát Nhã và sự chỉ bày kia đã làm rõ cho sự thừa thỉnh này và với nay có gì khác chăng?

Đáp rằng: Thỉnh lại có hai lúc và mời ấy cũng lại có hai loại. Đầu tiên thỉnh nói căn bản pháp luận. Nay thọ thỉnh cùng với xưa có khác. Như Phẩm Phương Tiện và Trí Độ Luận quyền đầu đã nói. Ba là muốn làm rõ ba đời chư Phật quyền thật 3 trí tướng thành tựu; cho nên nói kinh này. Phi thật chẳng thể hiện quyền. Phi quyền chẳng thể hiện thật. Thật ấy có công khởi quyền. Quyền ấy có tư lương thật dụng.

Câu văn phía dưới nói. Đối với một Phật Thừa phân biệt nói ba; tức là từ Thật khởi Quyền. Ta dùng phương tiện này khiến cho vào trí huệ Phật. Tức là dùng Quyền thông qua Thật. Lời dạy kia chạy đi hoặc chấp Quyền, quên Thật. Ngày trước chấp người Tam Thừa chẳng thể ngộ nhập con đường của nhưt thừa. Hoặc chấp Thật quên Quyền để nghe Pháp Hoa nhưt thừa; nghĩa là không có Tam Thừa. Nói phá có thể rõ biết. Bốn là muốn nói 3 pháp môn thanh tịnh. Chúng sanh bồn tánh chưa từng dơ sạch. Đối với chúng sanh điên đảo cho nên thành ra dơ sạch. Lại dơ chẳng thể chặt bỏ vậy. Phật, Bồ Tát dần dần xuất hiện để khai mở 3 việc thanh tịnh. Một là dùng 5 giới, Thập Thiện làm thanh tịnh ba cõi. Hai là nói Nhị Thừa để tịnh ba cõi, sau đó làm rõ Nhưt Thừa để tịnh Nhị Thừa. Dùng Tam Đồ làm chỗ thật khổ. Tam giới làm chỗ khổ vừa, biến

hóa dễ dàng làm khô thấp hơn. Cho nên nói ba biên. Nói 5 việc và 3 pháp môn nhiếp phục để tổng nói về Thánh Giáo. Ở đây có ba cửa. Một là nhiếp tà trở về với chánh môn. Hai là nhiếp sự khác nhau quy về chỗ đồng môn. Ba là nhiếp nguyên nhơn quy về quả môn.

Về nhiếp tà quy chánh môn nghĩa là Đức Thích Ca chưa ra khỏi cõi phàm tình có 2 tà của một tại gia ngoại đạo, khởi lên thương mến chúng sanh; hai là xuất gia ngoại đạo, khởi lên thấy chúng sanh. Làm cho trở nên chánh đạo; nên gọi đó là tà. Ở nơi phẩm Phương Tiện dùng các món nhơn duyên, đọa lạc vào tam đồ; tức là khởi lên lòng thương chảy vào tà kiến, toàn là thấy những ngoại đạo. Như Lai ra đời nhiếp phục điều kia và hai tà ấy trở về Ngũ Thừa là chánh. Ở trong hai ấy có vô văn phi pháp, dùng người trời để thành tựu. Ba tánh ấy là 3 thừa nhiếp vậy. Nhiếp hai tà kia để trở về thì gọi là 5 việc chánh.

Hai là nhiếp điều khác để trở về cùng giống nhau. Nếu kẻ ngộ một con đường rồi thì chẳng nói ra, vì kẻ độn căn mà lưu bố vậy. Chỉ có xả bỏ hai việc tà chấp, Ngũ Thừa sai khác và nhiếp 5 việc khác nhau ở phía trước đồng trở về Nhứt Thừa.

Ba là nhiếp nhơn để quy về quả. Lìa việc nhiếp 5 ấy quy về một, chỉ là nhơn hạnh. Muốn làm cho tu nhơn chúng quả tốt; nên nói Như Lai xưng chơn và ứng hóa hai thân để nhiếp nhơn trở về quả. Sáu điều muốn nói 3 loại pháp môn. Một là căn bản pháp luân. Hai là chi mật pháp luân. Ba là nhiếp mật quy bốn pháp luân. Phật lúc mới thành đạo vì chư Bồ Tát mà nói Hoa Nghiêm là căn bản pháp môn. Những kẻ bậc phước độn căn chẳng nghe thấu; nên nói Nhị Thừa để chỉ bảo là chi mật pháp luân. Hơn 40 năm nói pháp và nay làm cho Pháp Hoa này quy về một; nên liền nhiếp mật quy bốn.

Hỏi rằng: nơi nào có câu văn ấy?

Đáp: Nơi phẩm Tín Giải nói rằng: Khi thấy Trưởng Giả ngồi tòa Sư Tử đầy đủ của trần bảo; tức là chỉ cho Hoa Nghiêm làm giáo pháp căn bản. Gọi con mà chẳng được nên liền cùng hai người cõi bỏ y phục quý giá, mặc đồ của người hốt phân, áo xấu ở nơi thấp

hèn và giả gọi là con. Đây chính là vì chi mật giáo. Sau đó mới hội thân tộc lại và phú chúc tài sản cho. Đây là nhiếp mật quy bốn.

Bây là vì muốn trừ nghi của Thanh Văn Bồ Tát cho nên nói kinh này. Như cách giải mới phân biệt. Tuy có một ít sai biệt và lược nói chẳng rõ hết vậy. Tám là muốn nói pháp Trung Đạo; cho nên nói kinh này.

Hỏi rằng: Vì sao rõ biết được?

Đáp rằng: Hai lần thuyết pháp. Đầu tiên đều phóng tướng lông trắng giữa chặn mày. Trên chẳng quá đầu, dưới chẳng quá chân. Phóng hào quang giữa chặn mày là biểu hiện hai lần nói Trung Đạo vậy. Lần đầu tiên làm rõ con đường thanh tịnh; tức là nhứt thừa. Lần thứ hai là làm rõ pháp thân thanh tịnh; tức là chơn thật thân.

Hỏi rằng: Vì sao lại làm rõ Trung Đạo?

Đáp rằng: Xưa nói Ngũ Thừa là vì muốn làm hiển thị 5. Lời dạy kia theo sự nghe 5 thừa mà tạo nên 5 sự giải thích sai khác rơi vào các biên (kiến). Lời dạy cho người trời kia là ở nơi sanh tử. Kẻ cầu Nhị Thừa rơi vào Niết Bàn biên. Kẻ học Đại Thừa chấp trước vào Đại Thừa biên. Nay phá những biên kiến này làm cho tâm không còn chấp trước nữa.

Chín là vì làm tăng việc niệm Phật Tam Muội cho nên nói kinh này. Từ xưa chưa làm rõ thân chơn thật và thân phương tiện. Phạm phu nhị thừa bắt đầu thể hiện. Bồ Tát chưa rõ Phật cho nên chẳng thể giải rõ được lễ niệm. Thường có chỗ được tâm lễ niệm; tức là lễ niệm ấy có chỗ được tâm. Vì sao chưa thể niệm nơi Phật. Cho nên Phật chẳng phải Thầy của kia, mà kia cũng chẳng phải là đệ tử của Phật. Nay khai mở thân phương tiện và thân chơn thật, mới giải bày ở lễ niệm.

Hỏi rằng: Ngày xưa vì sao mà chẳng giải rõ về lễ niệm?

Đáp rằng: Xưa kia chấp về số nhiều mà chẳng ra khỏi 3 loại. Một là chẳng biết Bồn một Tích nhiều. Hai là chẳng rõ Bồn ấy chẳng hề sanh diệt ở nơi sanh tử. Ba là chẳng rõ Đức Thích Ca từ lâu xa đã chứng Pháp Thân; không phải nơi Già Da mới bắt đầu có. Đây là ba loại bệnh; cho nên thị hiện làm ba loại giáo môn. Một là làm rõ việc Đức Thích Ca ở nơi Tịnh Độ và chư Phật ứng thân bất nhị. Cho nên biết rằng ứng thân bất nhị là Tích thân bất nhưt. Hai là mở tháp cùng ngôi. Hiện thị Đa Bảo diệt nhưng chẳng diệt; tức là rõ biết Đức Thích Ca chỉ sanh nơi chẳng sanh và chẳng sanh nơi chẳng diệt; gọi đây là pháp thân. Phương tiện nói diệt; gọi là Tích dụng vậy. Sanh vào vương cung mà chẳng khởi, Song Lâm diệt mà chẳng mất. Tích tuy sanh diệt mà pháp thân chưa hề khởi hiện. Ba là quá khứ đã thành lâu rồi và vị lai chưa diệt; nên gọi đây là pháp thân. Nhiên Đăng thọ ký, Già Da thành đạo, nhưn ấy chính là phương tiện.

Hỏi rằng: Đức Thích Ca chứng pháp thân. Vậy pháp thân ấy có xa gần chăng?

Đáp rằng: Pháp thân thì chẳng xa gần. Pháp thân chẳng xa gần; tức là rõ được chỗ chẳng xa gần ấy. Cho nên mới nói rằng: Ngộ ấy gốc ở pháp thân, mà pháp thân thì không có xa gần; tức là rõ biết được chỗ chẳng xa gần ấy.

Vì sao lại muốn làm rõ 3 việc này?

Đáp rằng: Đầu tiên tức là pháp thân bất nhị. Tích thân bất nhưt. Chưa rõ thân bất nhị làm thân sanh diệt, mà thật ra chẳng sanh diệt vậy. Kế đến làm rõ pháp thân vô sanh diệt còn ứng thân thì có sanh diệt. Tuy rõ pháp sanh diệt; nhưng pháp, ứng lại có khác. Chưa rõ được Đức Thích Ca từ lâu xa đã chứng pháp thân, vì chứng lâu xa vậy. Kế đến làm rõ việc xa gần này. Tất cả chư Phật đều đầy đủ 2 việc như trước. Đức Thích Ca thì đầy đủ cả 3.

Hỏi rằng: Làm sáng tỏ việc niệm Phật như thế nào gọi là niệm?

Đáp rằng: Như trong kinh Đại Phẩm nói rằng: Dùng sự vô úc cho nên hiện thị điều này để trừ phân biệt chỗ không thấy. Phật vì chỗ

niệm, sanh vì hay niệm. Như thể của chân lý mà vì lẽ niệm. Như phẩm An Lạc và phẩm Thọ Lượng đã nói rõ.

Mười là muốn vì vị lai thập phương chúng sanh như thật phân biệt sự ích lợi. Tội phước hai loại nghiệp báo như hành nghi đã nói. Mười ý nghĩa gần gũi làm rõ chánh tà. Kinh ấy được gọi là cửa ngõ chú giải. Trong ấy nói rằng: nương vào thuận theo thể nghĩa xứ và trong ấy nguyên nhơn xuất thế , phước báo. Nương vào Tông Luận chú giải rằng: Việc ấy có 4 loại. Nghĩa là: giáo, lý, hạnh, quả. Lược nói lại có 3. Ngược lại điều này cũng có 3. Một là lời nói vô nghĩa, như luận của bốn Vệ Đà, kệ tụng của Bà La Môn. Âm thanh thanh nhĩ, sâu xa dễ mến. Thường hay tìm nghĩa này và cả hai đều chẳng là chân lý. Như luận kia nói rằng: Ta như đã uống nước cam lồ thành tựu, chẳng trở lại sanh tử nữa. Hai là nói lời tà vọng. Như 95 loại ngoại đạo khác, lại nói về nhơn quả, thường làm rõ chỗ tà ty, cho nên nói là tà vọng. Ba là như pháp để nói. Như Phật đã nói nơi nhơn quả đạo lý, nói về khổ tập. Đây chính là nhơn quả thế gian. Diệt đạo ấy là xuất thế nhơn quả. Đạo lý tuyên xưng chẳng tà ngụy. Cho nên gọi đây là nói như pháp. Lý ấy lại có 3. Một là nghĩa tăng trưởng ích lợi. Như ngoại đạo đối với pháp vô ngã, ngang ngược với pháp của ta. Hai là nghĩa tổn giảm. Như những việc tà kiến và đoạn kiến vậy. Ba là nghĩa thuận thể, như giáo pháp của Phật có liền nói có, không liền nói không. Đoạn lìa thường kiến, cho nên gọi đây là thuận thể. Hành ấy lại có 3. Một là thuận theo nhơn quả của thế gian, như việc đời, trung với vua, hiếu với cha mẹ v.v...Hai là nguyên nhơn của tà ty. Nghĩa là vọng nói những điều tà giới cấm v.v...Ba là ở trong nguyên nhơn. Như ở cửa Phật Pháp lìa khổ lạc biên, lìa tà để cầu vậy. Quả ấy lại có 3. Một là quả xiêm trá, như bề quanh từ cuộc sống để tìm chỗ sung sướng. Hai là quả hư vọng , như những ngoại đạo vọng nói tính toán vô tướng về Niết Bàn vậy. Ba là xuất thế quả, như giáo pháp của Phật hay làm cho chúng sanh ra khỏi chỗ sanh tử chứng được Niết Bàn vậy.

Do nương vào giáo lý hạnh quả mà có tà chánh; cho nên lập thành tên gọi như vậy, làm cho bỏ tà về chánh. Lại nữa vì được 4 loại thanh tịnh cho nên làm rõ 4 cách gọi tổng cả . Một là cực thanh

tịnh. Hai là nghĩa thanh tịnh. Ba là phương tiện thanh tịnh. Bốn là sở đắc thanh tịnh. Như thế lần lượt lập nên kia. Giáo nghĩa là đầu, giữa, sau đều lành. Lý tức là lia sự tăng ích tổn giảm kia. Hành nghĩa là lia khổ lạc v.v...Khổ ấy là phi thể gian các khổ, nương tựa vào các hoặc. Cho nên nói đây là thanh tịnh. Lại nữa vì nương vào sự khoa trương chứng ngộ cái lý và nương vào lý để khởi ra hành và do hành mà được quả. Nếu chẳng thể đủ thì chẳng phải do ngộ cái lý. Nếu chẳng ngộ lý mà có tà phân biệt, cho nên tạo ra các việc làm ác. Có tà phân biệt cho nên tạo ra các ác hạnh và cảm các quả khổ. Nay nương vào chánh giáo có thể hiển rõ lý chánh, liền chứng chánh lý, có thể khởi lên chánh hạnh. Do chánh hạnh cho nên có thể được quả lành. Do nương vào 4 nơi ấy mà lập nên được tên gọi này. Lại do sự dạy dỗ ấy nên sanh nơi có trí huệ. Nương vào lý sinh ra sự suy nghĩ. Nương vào hành sanh ra việc tu. Cái nhơn này được quả vậy. Nhiếp Đại Thừa nói rằng: Sự nghe ấy huân tập, không có quả sanh thì chẳng phải đạo lý. Lại có hai loại. Một là nương vào pháp nhơn và hai là nương vào pháp dụ; hoặc đơn hoặc kép. Nói sao chẳng như định. Vì sao lại như điều này? Nương vào người nghĩa là làm cho rõ biết tu sáu hòa kính. Nương vào pháp nghĩa là làm cho rõ biết nghĩa đen và pháp lớn v.v...Nương vào pháp dụ nghĩa là vì kẻ độn căn, rộng lược cho sáng tỏ cho nên từ nơi chốn đến công việc. Tất cả trong pháp ấy tóm thâu; nên gọi là rộng rãi vậy. Đối với những nghĩa trên giáo pháp ấy đã thành cách gọi, duy chỉ có chúng sanh nhiều khi chẳng ra khỏi nơi này. Hãy như Nhiếp Luận nói về tên gọi này có tổng cả đến 10 loại. Tụng ấy nói về pháp, chúng sanh, pháp, nghĩa, khác, rộng, tánh, bất tịnh, tịnh, cứu cánh. Gọi đây là chỗ hành sai biệt.

Đầu tiên pháp ấy nghĩa là sắc, thọ v.v...Chúng sanh có nghĩa là trời, người thế gian và cũng còn gọi là tùy tín hành cùng với tên gọi thánh giáo. Sau đó pháp này được gọi là khế kinh. Nghĩa ấy nghĩa là ở đây rộng nói về giả thiết sự nguy hại đối với cha mẹ. Lược gọi là tất cả pháp vô ngã vậy. Quảng ở đây có nghĩa là sắc vô ngã. Tánh gọi các chữ, các từ, các câu là cái nhơn vậy. Bất tịnh nghĩa là những sự sai biệt sanh ra những phiền não cấu nhiễm. Tịnh ấy nghĩa là các vị hiền thánh việc cấu nhiễm đã vĩnh viễn xa

lia. Cứu cánh nghĩa là tổng thể các duyên ; tức là Bát Nhã Ba La Mật Đa cùng với Thập Địa v.v...Dùng nghĩa tổng lược để làm chỗ duyên vậy. Ở đây có 5 đối nghịch. Một là pháp đối nhơn. Hai là nghĩa đối giáo. Ba là lược đối rộng. Ba điều này lần lượt như vậy. Bốn là nhiệm đối với tịnh. Gọi là phần 8,9. Năm là phân biệt đối với phi phân biệt. Lại cũng gọi là nhơn đối với quả. Phần thứ 7 và chữ thứ 10 vì ngoài nhơn cho nên phân biệt làm cho hiển thị 10 cái lý của cứu cánh. Cho nên gọi là vô phân biệt. Ở trong ấy phần thứ hai 8,9 là cách gọi từ con người. Ngoài ra là cách gọi từ pháp. Bây giờ làm rõ giao nghĩa tức là cách gọi của đệ tam khế kinh vậy.

Du Già 81 tên gọi ấy có 12. Tụng nói rằng: giả, thật, đồng, dị, loại, tùy đức và giả nói, đồng, phi đồng, chỗ hiển rõ, chẳng hiển, rộng, lược một. Giả lập gọi như thế là đối với nội giả lập ngã, hữu tình v.v... Đối với ngoại giả lập là ngôi gạch v.v...Nghĩa là đối với mắt, sắc ấy cùng với các căn trong nghĩa ấy lấy mắt để gọi. Cùng loại giống nhau nghĩa là có tánh của sắc, thọ, gọi là cái nhân lớn. Khác loại tương ung nghĩa là Phật thọ ký cho cái đức gần gũi. Tùy đức nghĩa là tính chất nghi ngại danh sắc bao gồm cả thọ. Giả thiết nghĩa là xung nghèo, gọi giàu v.v...Cùng chỗ rõ tên nghĩa là cùng chỗ rõ biết với tướng sai biệt có không. Đồng liễu hiển nghĩa là nghĩa ấy để vậy. Chẳng hiển nghĩa là nghĩa ấy khó liễu được, như chú Đạt La Thôi Trà v.v...Lược danh nghĩa là một chữ. Quảng ấy có nghĩa là nhiều chữ. Trong này có 6 cách đối lại . Một là tùy ấy rộng đối giữa thật và giả. Hai là cùng loại khác với khác loại. Ba là xung thể hư đối với giả thiết. Bốn là cùng đối với chẳng cùng. Năm là nghĩa rộng đối với khó dễ. Lại cũng còn nói rằng rộng ấy là tiêu đề đối với mật. Sáu là có thể rộng đối với lược. Tuy là 12 tên gọi nhưng chẳng ra khỏi pháp nhơn. Văn ấy hiển thị có thể rõ. Nếu biện giải về giáo ấy thì tùy theo chỗ nghĩa này có thể thông suốt được. Thông qua các luận và các việc thành lập chỉ bày, tên gọi chẳng giống nhau. Tổng cộng mở ra có 6 ví dụ. Một là nương vào 6 sự giải thích để thông biệt. Hai là giáo, lý, hạnh, quả thông biệt. Ba là nhơn pháp thông biệt. Bốn là pháp dụ thông biệt. Năm là Tam Bảo thông biệt. Sáu là tán thán thông biệt; hoặc nay hợp lại làm hai. Đó là nhơn pháp. Ở phía trước căn cứ vào 6 chỗ thông biệt, lại có nhiều loại, như nương vào sáu cách giải thích; hoặc duy

chỉ có một. Hoặc thông 2,3,4,5,6 v.v...hoặc chẳng phải chỉ có một mà có hai cách giải thích. Như trong kinh Niết Bàn thể ấy thông với việc chú thích rõ ràng chỗ giải thích; tức là có giữ nghiệp và nương vào sự chú thích. Hoặc thông với 3 sự giải thích. Như Thành Duy Thức Luận văn, Đại Thừa A Tỳ Đạt Ma Tập Tập Luận v.v...

Có thông y chủ, trì nghiệp, hữu tài, như chánh pháp niệm kinh v.v...tức là thông trì nghiệp, y chủ, lân cận. Ngoài ra có thể so sánh để biết; hoặc có thể chẳng có 6 việc giải thích này. Nếu nương vào giáo lý hành quả, 4 cách gọi thông biệt; thì thông ấy liền có 15. Biệt ấy có 4,2,3 mỗi mỗi có 6,3,3 hợp chung lại thành 4,4 và 4 ấy hợp lại 1. Lời dạy sau cùng nhiều nghĩa nhằn nạy ở Kinh Niết Bàn. Như thế lần lượt giáo lý hạnh quả 4 tên riêng lẽ. Hai hợp với hai như Kinh Giải Thâm Mật nói về giáo lý thâm mật ấy. Trong kinh Đại Phương Quảng Bồ Tát Thập Địa có chỉ về hạnh hợp này. Trong kinh Xung Tán Phật Công Đức có chỉ về quả hợp này. Như kinh Tín Đạo Nhập Ấn có lý hành hợp này. Trong Kinh Như Lai Nhập Nhất Thiết Cảnh Giới có lý quả hợp này. Trong kinh Như Lai Câu Phật Bản Nghiệp có hành quả hợp này. Ngoài ra cũng có thể hiểu rộng hơn về pháp nhơn đơn hợp. Tất cả đều có thể rõ biết dễ dàng. Dụ về người gọi như trong Bồ Tát Anh Lạc Bản Nghiệp. Dụ về người, pháp hợp như Kinh Thắng Man Sư Tử Hống Nhứt Thừa Đại Phương Tiện. Tam Bảo đơn hợp nghĩa là có Kinh A Súc Phật, kinh Tứ Phần Giới, kinh Thuyết Vô Cấu Xưng Tam Bảo như thế. Kinh Như Lai Công Đức Trang Nghiêm, Phật pháp hợp danh. Kinh Phật Đại Tăng Đại; gọi là Phật Tăng hợp. Kinh Bồ Tát giới gọi là Pháp Tăng hợp. Kinh A Nan nghe Phật tốt xấu, gọi Tam Bảo hợp. Như trên tổng cộng đã thành lập, tên gọi chẳng giống nhau. Rộng hơn thì ở luận Duy Thức có trình bày, sao chép, sợ phiền ở đây nên lược bớt.

Những người đời sau , trước nên thông qua tên gọi và sau đó thì thuần thực kinh này. Kinh này gọi là phân giữa của hai. Đầu tiên nương vào chỗ sơ giải biện bạch. Sau đó thuật lại và làm rõ chỗ khác nhau. Trong sự khác nhau của việc thuật lại thì đầu tiên giải về pháp vi diệu. Sau đó biện luận thí dụ. Đầu tiên giải thích về

diệu pháp ấy Nam Nhạc Tư Thiên Sư nói có 10 diệu . Một là cảnh diệu, hai trí, ba hành, bốn vị, năm là 3 pháp, sáu là cảm ứng, bảy là thần thông, tám là thuyết pháp, chín là quyền thuộc, mười là công đức lợi ích diệu.

Cảnh ấy tức là 10 như. Trí ấy tức là hay duyên vào bốn hậu hai trí. Trí ấy chỉ đạo để hành. Hành nơi kinh qua gọi là trụ. Trụ ấy nương vào 3 pháp. Nương pháp dùng đến ý vật cơ để làm cảm ứng. Tùy theo chỗ cảm mà hay hiện ra thông; nên gọi là thần thông. Cảm ứng ấy diễn giải giáo lý để thuyết pháp. Nhơn ấy tùy theo Phật hóa độ nghe pháp, có thể ngộ và làm quyền thuộc. Dùng giáo pháp thọ sanh, vì lợi cơ, tùy nhập vào ích lợi gọi đây là công đức lợi ích diệu. Tại sao được trí ấy và có 10 diệu, như câu văn ở dưới sẽ rõ biết.

Phẩm Phương Tiện nói chỉ có Phật với Phật mới có thể hiểu nhau về chư pháp thật tướng; tức là diệu cảnh. Ta từ thành tựu trí tuệ; tức là trí diệu. Đây đủ các hạnh ở các đường tức là hạnh diệu. Xe ấy chở đồ quý báu ở nhơn vị đến thẳng đạo tràng là quả vị; tức là vị diệu. Phật tự tại ở Đại Thừa như được pháp này, định huệ lực trang nghiêm; tức là tam pháp diệu. Ta dùng Phật nhãn để quan sát tất cả là ta, con sợ vào nhà lửa, thấy người cha ngồi trên giường, vì đó mà ứng cảm diệu. Nay Đức Phật Thế Tôn nhập vào Tam Muội mưa hoa, đất chấn động, phóng quang từ xa soi rọi; đây chính là thần thông diệu. Có thể nói việc thuyết pháp đầu giữa và sau nói lời lành nhu nhuyễn. Việc thuyết pháp này tất cả đều đến nhưt thiết trí địa. Hay nói vô thượng đạo và đó là thuyết pháp diệu. Giáo hóa các vị Bồ Tát, không có đệ tử Thanh Văn, đây là vì quyền thuộc đệ. Thanh Văn nghe pháp được thọ ký trước Phật, đời sau tùy theo chỗ nghe được phước lợi; tất cả là vì lợi ích diệu. Lần lượt sanh khởi để nói nghĩa rộng như bên trên đã giải nói về diệu pháp. Kế đến giải nói về thí dụ, hóa ra nhiều chúng sanh.

Vì sao chỉ riêng nói về liên hoa để thí dụ?

Đáp: Kiết Tạng Pháp Sư nói rằng: Lược có ba nghĩa. Một là lia khỏi thí dụ; hai là hợp dụ; ba là thông dụ. Nói lia dụ nghĩa là: một là làm sáng tỏ hoa này chẳng có gì như vậy. Trong ấy hoa thật đầy

đủ bao gồm trong ấy. Trong kinh này chẳng nói mà có rồi. Nói về nhơn quả cùng lúc. Dùng dụ liên hoa đối với nhơn quả vậy. Luận nói về sự thị hiện tướng nhơn quả v.v...Hai là do hoa nở mà biến hiện. Do nói ra mà hiển thị cái lý vậy. Dùng dụ hoa sen để chỉ cho cái lý. Ở phía dưới nghĩa này sâu xa, lời nói xảo diệu. Ba là hoa chưa nở, mà thật chưa hiện. Hoa nở tức là thật phương hiện. Chưa mở cửa phương tiện; tức là chơn thật tướng chưa hiển thị. Khai mở cửa phương tiện tức là chơn thật tướng mới hiển thị. Hoa nở dụ cho cửa phương tiện, khai thật hiện dụ chơn thật tướng hiển thị vậy. Cho nên bên dưới nói rằng: khai cửa phương tiện hiển thị tướng chơn thật.

Hai hợp dụ lược nói có 10 nghĩa. Một là hoa từ hạt sanh, dụ cho nhứt thừa, tất có chủng tử khởi. Cho nên phía dưới nói giống Phật từ duyên khởi vậy. Hai là hoa này từ bùn nhơ đến, dụ cho Phật thừa dần dần tăng trưởng. Cho nên nói rằng dần dần tích tụ công đức. Ba là hoa này tăng trưởng đầy đủ ra khỏi bùn nhơ. Dụ cho Đức Phật ra khỏi chốn sanh tử. Cho nên bên dưới nói rằng: Như Lai đã lìa khỏi ba cõi như nhà lửa này. Tịch nhiên nhàn cư an ổn như chỗ rừng vắng vậy. Bốn là hoa này tuy rằng ra khỏi chỗ bùn nhơ mà chẳng phải xả bỏ bùn nhơ. Điều này dụ cho Phật tuy ra khỏi 4 lưu chuyển mà chẳng bỏ ba cõi. Cho nên ở dưới nói rằng: Ở bên ngoài cửa nghe có người nói, sợ vào nhà lửa; nên mới cản trở giúp đỡ. Năm là hoa này thanh khiết đệ nhứt, dụ cho Phật Thừa là đệ nhất trong ngũ thừa. Cho nên nói rằng: Thừa này vi diệu thanh tịnh đệ nhất. Đối với các thế gian vì việc có, không là trên hết. Sáu là hoa này phàm thánh lia sự yêu mến và Phật Thừa lại cũng như thế. Thế và xuất thế gian gọi đây là lia sự yêu kính vậy. Cho nên nói rằng: ở Phật hoan hỷ tất cả chúng sanh nên xưng tán cúng dường lễ bái. Bảy là hoa này cùng với đài hoa cùng lúc, dụ cho Phật Thừa vạn đức đầy đủ. Cho nên nói rằng: vô lượng ức thiên các lực giải thoát, thiên định, trí huệ và Phật Thừa không ngoài. Tám là hoa này là nơi Phật và Bồ Tát ngồi. Kinh này lại cũng như vậy, vì Phật Bồ Tát mà cùng ở chung. Cho nên nói rằng: Phật tự tại lại như nơi pháp mà được. Định huệ lực trang nghiêm, dùng đây để độ chúng sanh. Chín là hoa này nở khế đúng lúc, dụ cho Nhứt Thừa này ẩn hiện có lúc. Ngày trước ẩn, nay hiện. Cho nên nói

rằng: tại sao chưa thể nói. Vì lúc nói chưa đến. Nay chính là lúc đúng thời; nên quyết định nói Đại Thừa. Mười là hoa này kiếp sơ lúc mới thành Phạm Vương ngồi trên ấy và vì chúng sanh làm cha. Kinh này lại cũng như vậy; cho nên nói rằng: Đại Phạm Vương là cha của tất cả thế gian. Kinh này lại cũng như thế, vì tất cả thế gian làm cha; vì tất cả hiền thánh làm cha. Ngoài ra có nơi lại nói Trí Độ Bồ Tát là mẹ, dùng phương tiện làm cha v.v...

Nói về Thông Dụ thì Đại Tập kinh nói rằng: Từ Bi là gốc hạt, trí tuệ là hoa lá. Tam Muội là búi tóc, giải thoát là quả, Bồ Đề là ong chúa, Niết Bàn là cam lồ. Cho nên ta đành lễ kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Lại giải thích rằng: Sở dĩ nói diệu là diệu ấy bất khả tư nghì vậy. Pháp nghĩa là xưng tán 10 loại quyền, thật. Liên Hoa dùng để dụ cho pháp quyền thật. Tốt dùng diệu pháp khó giải, từ gần dụ xa, hướng hồ là ý và nhiều chỗ giải thích lược bớt trước sau để hợp thành sáu dụ. Một là Liên chính là Hoa; dụ cho Thật mà cũng Quyền. Cho nên rõ biết tịch diệt đệ nhất, dùng phương tiện vậy. Tuy chỉ ra nhiều con đường; nhưng kỳ thật chỉ một Phật Thừa. Hai là hoa ấy dụ cho khai quyền. Liên ấy hiện ra để dụ cho hiển thật. Câu văn phía dưới khai mở cửa phương tiện, hiển tướng chơn thật. Ba là hoa rơi dụ cho việc phế bỏ quyền. Liên thành tựu dụ cho việc thành lập là thật. Câu văn phía dưới ngay thẳng phương tiện, thường nói đạo vô thượng. Bốn là lại dụ Liên ấy với Bồ. Hoa ấy dụ cho Tích. Từ Bồ xuống Tích. Tích nương vào nơi Bồ. Câu văn phía dưới nói về lúc kiếp trước loạn thời...cho đến nói cho nên chư Phật Như Lai dùng phương tiện lực đối với một Phật Thừa để phân biệt nói thành ba v.v...Hai việc của hoa dụ cho khai Tích. Nên phía dưới nói rằng: Các người nên lắng nghe. Như Lai nói lực bí mật của thần thông, cho đến từ khi ta thành Phật đến nay đã trải qua vô lượng. Sáu là hoa ấy dụ cho phế Tích. Liên thành tựu dụ cho lập Bồ. Câu văn phía dưới nói rằng: Tất cả pháp của các Đức Phật đều như vậy. Vì để độ cho chúng sanh, tất cả đều thật, không hư dối. Vì thế nên đầu tiên mở ra diệu pháp; kế đến dụ cho hoa sen biến hóa to thành to lớn để chấp vào lời dạy, phá bỏ cở, làm cho chỗ ở sạch sẽ. Khai mở cửa phương tiện, chỉ bày diệu lý chơn thật. Gom vạn điều tốt vào vệc làm nhỏ. Thân rộng lớn vào Nhứt Thừa. Tất cả những người thuộc thượng, trung, hạ căn đều thọ ký. Lại

phát huy quyền hành cho các bậc Thánh. Hiện hiện gốc gác vi tế. Cho nên đạo ấy tăng giảm, 4 loài gần gũi Đức Đại Giác một thời hóa đạo lý, hiện ra đầy đủ tất cả. Hoa sen ấy dụ cho ý niệm hoan hỷ vậy.

Nói Phẩm ấy có không. Giữa ấy nói 5 việc lớn, 3 nhỏ chẳng dễ, vì để cho con đường chư Thiên Đế Thích an ổn nên nói. Cách dịch ấy vì trình bày 5, mất cái chính hết 3, chẳng phải dễ. Một là tiếng Phạn trong sách ấy cho đến Bốn ấy khiến trình bày. Một là mất Bốn. Hai là kinh tiếng Phạn chất lượng cao, người trình bày thích câu văn, có thể truyền đến tâm chúng sanh, chẳng phải văn từ thì chẳng được. Hai là mất đi Bốn. Ba là câu văn chữ Phạn đầy đủ, cho đến việc than vịnh chắc rằng hàm chứa khác; hoặc giả 4 ấy chẳng gồm việc nào hại này, mà nay ghi lại đây vậy. Ba là tất cả đều là Bốn. Bốn là chữ Phạn có nghĩa nói đúng là giống như loạn từ. Tìm tòi kiểm tra hướng đến ngôn ngữ, câu văn lại chẳng khác. Hoặc một ngàn, hoặc năm trăm, nay thì chẳng còn tồn tại. Bốn là mất Bốn. Năm là việc ấy giống như được tác thành; nên gần giống như là trái lại với ngôn từ phía trước. Từ đây về sau sẽ nói để trừ nghi. Năm điều này mất bản chính.

Kế đó tâm của Trí Kính Tam Đạt muốn làm đầy đủ bộ mặt để diễn giải chỗ Thánh, tất nhiên cái nhơn lúc ấy với người tục lại khác mà thường thì sách ấy hay với xưa, rồi thích nghi với nay; đây chẳng phải là chuyện dễ vậy. Kẻ phạm bị tổn thương, Thánh nhân thì gần gũi. Những điều muốn ghi chép cho ngàn lời nói, cốt truyền lại thích hợp cho trăm vua và dưới là muôn họ. Hai việc này chẳng dễ. A Nan Xuất Kinh rõ biết Phật chưa lâu. Tôn Giả Đại Ca Diếp làm cho 500 vị lục thông thay đổi, kinh sách cũng thế. Nay đã xa cách cả ngàn năm, chỉ nương với ý để chép. Những vị A La Hán kia cũng chẳng khác gì điều này. Việc sanh tử của những kẻ phạm phu thường thường là thế, há chẳng rõ pháp mà nghi ngờ ư. Tách rời ra 3 việc ấy chẳng dễ. Sự thấy từ 5 thành 3 cũng chẳng dễ. Thích Phạm vì đó trình bày. Kẻ cuồng có thể chẳng trăn được, để rõ các phẩm kinh, được gọi trung ấy có hai. Đầu tiên là giải thích tên từng phẩm chẳng giống nhau. Lại nữa làm rõ được tên gọi. Tên gọi chẳng giống như Kinh Chánh Pháp Hoa nói nơi phẩm

Quang Doan, phẩm Phương Tiện, phẩm Ứng Thời, phẩm Giải Lạc, phẩm Dược Thảo, phẩm Thọ Thanh Văn Quyết, phẩm Vãng Kiết, phẩm Thọ Ngũ Bá Đệ Tử Quyết, phẩm thọ A Nan La Vân Quyết, phẩm Dược Vương Như Lai, phẩm Thất Bảo Tháp, phẩm Đề Bà Đạt Đa, phẩm Nhập Bảo Tháp, phẩm Khuyến Thuyết, phẩm An Hạnh, phẩm Tha Địa Dũng Xuất, phẩm Như Lai Hiện Thọ, phẩm Hành Phước Sự, phẩm Căn Minh, phẩm Thán Pháp Sư, phẩm Bị Khinh Mạn, phẩm Như Lai Thần Túc Hành, phẩm Dược Vương Bồ Tát, phẩm Diệu Hống Bồ Tát, phẩm Quan Thế Âm Phổ Môn, phẩm Tổng Trì, phẩm Tịnh Phục Tịnh Vương, phẩm Lạc Phổ Hiền. Chưa nói Phật nói phẩm này; lúc ấy như hằng hà sa úc, trăm ngàn Bồ Tát hội tụ tất cả đều được Tổng Trì. Phẩm Chúc Lũy. Giải thích các phẩm trong sự phé lập. Chúc Lũy lại ở trước phẩm Dược Vương; cho đến có 8 việc sai khác về thập chứng chúc lũy; nay ở trước phẩm Dược Vương. Bây giờ trở lại như vậy cho nên chúng được và thường sai hóa Phật trở lại nước.

Tháp của Phật Đa Bảo chưa hoàn lại; hai việc không lời, Phật tán thán chúng đạo. Trong phẩm Dược Vương lại nói về Tháp, ca ngợi 3 diệu âm, hân hoan kính ngưỡng việc chúng đạo. Từ dưới đất vọt lên biến thể phân thân. Diệu Âm hay đánh lễ hai vị Phật; 4 uế độ chẳng thanh tịnh, chứng được. Hóa Phật chưa hoàn lại. Thí dụ này làm cho thanh tịnh. Diệu Âm đến, ngày ấy tại sao bị biết? Năm lần hỏi Phật đến chẳng chứng. Nói rằng Đa Bảo Như Lai đến nghe pháp chẳng? liền chẳng thấy Đa Bảo, khiến tháp đóng cửa, sáu là muốn thấy Đức Đa Bảo chứng đạo. Nếu chưa đóng cửa tháp thì hai vị Phật cùng ngồi, chính mỗi người đều thấy, cần thỉnh để thấy sao? Bảy là thỉnh thấy, tuy chỉ nghe việc chứng, liền nghe được âm thanh; chẳng nói là thấy Phật. Trí sáng đã khép lại. Tám là cung kính tháp; không có Phật chứng; hai Đức Phật cùng ngồi; nên đánh lễ hai vị. Vì sao lại nói lễ tháp Đa Bảo? Chín là chia hai chẳng rõ chứng. Hóa Phật nếu như chưa hoàn lại. Vì sao lại chẳng phụng thí. Mười là chẳng phân biệt chứng phân thân. Nếu phẩm Dược Vương thí dụ có hóa Phật. Sao lại chẳng có câu văn nói chứng? Đây chính là 10 điều chứng theo chúc lũy, chẳng phải về sau. Rộng như kia nói, kính tin tìm hiểu, lý màu, câu văn thông suốt, thì nghĩa ấy có hằng ngàn cách. Nay việc phiên dịch quy về sách cũ

như cái đức ở trên. Cho nên 10 chứng chúc lữ ấy nay nói trước, như có 10 việc chẳng thể. Cho nên Chúc Lữ lại ở phần sau của kinh này. Một là làm cho trở lại như xưa, chứng chẳng thể được. Chẳng có lời nói như vậy, nên thường hay làm cho thấp đóng cửa, chẳng trở lại nước mình. Kinh Chánh Pháp Hoa nói rằng: Đa Bảo Thế Tôn làm cho Thất Bảo giảng đường ở nơi tháp Phật hoàn lại như cũ. Cho nên nơi ấy lại chẳng có thể nói. Kinh gốc chỉ có sai biệt; tuy một vị Phật nói lại chẳng đồng, thấy nhỏ, nghe khác. Hai là chẳng nói Phật tán thán việc chứng đạo là chẳng thể.

Phẩm Dược Vương Bồ Tát Bồn Sự nói rằng: Đức Đa Bảo Như Lai ở nơi tháp Thất Bảo tán thán nói rằng: Lành thay! lành thay! tuy mở tháp báu; Phật chẳng ở đây. Nay nói Đa Bảo ở trong tháp tán thán nói lời lành thay; chẳng phải nói tháp tán thán, nói chẳng phải Phật tán thán, chứng chẳng thể lời này. Ba điều âm khai mở, kính chứng chẳng thể. Ở phía dưới đất vọt lên dành lễ phân thân Diệu Âm chẳng lễ; tức là đã chứng rồi. Lại nữa Văn Thù chẳng lễ phân thân, rồi đi. Phẩm Đề Bà Đạt Đa lại cũng nói như vậy. Cho đến hai Đức Thế Tôn, chỗ tu kính đã hoàn tất, qua nơi Ngài Trí Tích; chẳng nói biến lễ, há hóa Phật đi khỏi; cho nên lấy đó mà chẳng thể. Bốn uế độ phi tịnh, chẳng thể chứng được. Nếu dùng Diệu Âm để chỉ bày cho kia trở lại nơi uế độ thì ứng hóa Phật đến Linh Sơn, ra khỏi nơi ấy thì chẳng tịnh. Nếu nói rằng chỉ có các núi lớn mới căn cứ vào bốn tính để nói về quốc độ thanh tịnh. Diệu Âm thấy uế; nên cũng như vậy. Nếu nói tuy biến Tịnh Độ Linh Sơn thường còn; cho nên chẳng vì đó mà thí dụ. Linh Sơn chẳng uế, biến tịnh để dụ cho sự tồn tại. Liên xuất hiện đá núi như thế thì được điều gì. Cho nên nói tại ấy là nói rộng lúc ban đầu. Như Văn Thù từ biển vọt lên. Thí dụ để nói về núi Kỳ Xà Quật. Khi ấy liền bay lên hư không, nhìn núi là muốn gì? Cho nên từ hư không bảo tháp, căn cứ vào Bồn, nói đến núi, đất đai, rồi khiến mang hoa đến. Cho nên rõ biết căn cứ vào Bản chẳng phải tịnh độ ở trong, có thể có trong núi Kỳ này. Bản văn phía dưới nói rằng:

Lúc ấy ta và chúng tăng đều ra khỏi núi Linh Thứu. Lại căn cứ vào nơi Bản để nói. Nếu nói theo kinh nói thì chỉ lưu lại hội chúng, mà lưu lại người, núi thì chẳng phải. Chúng ấy làm cho nghe pháp,

Bản ấy có thể giữ lại nơi núi, chẳng nghe kinh được lưu giữ, có ích gì? Cho nên nói uest độ chẳng phải tịnh, chứng chẳng thể được. Năm lần hỏi Phật đến, chẳng chứng chẳng thể được. Vì sao Văn Thù mong thấy Diệu Âm. Đức Thích Ca Như Lai nói Đa Bảo Như Lai có thể vì các người mà hiện ra việc này. Lúc ấy Phật Đa Bảo bảo Ngài Diệu Âm rằng: Thiện Nam Tử đến. Văn Thù Sư Lợi muốn được gặp, do Đức Phật triệu đến. Thế nào là hỏi thử? Hỏi ấy là vì truyền lại lời Phật; cho nên kinh nói rằng: Tịnh Hoa Trí Phật vấn tán Đức Thế Tôn. Lại hỏi rằng Đa Bảo Như Lai đến để nghe pháp chẳng? Chẳng phải Diệu Âm tự hỏi; cho nên chẳng có thể. Khi ra khỏi sự mong muốn thấy Đa Bảo chứng thì chẳng thể. Nếu nói hai Đức Phật đồng ngồi; tức là có thể thấy đầy đủ, sao cần phải thỉnh Phật?

Ta nay muốn thấy Phật Đa Bảo nghĩa là Bồ Tát hạ nhơn, Như Lai thượng quả, gia bị làm cho thấy, có thể được gặp tôn nhan. Nếu chưa gia bị thì chẳng thể thấy được. Hy vọng Phật gia bị; cho nên thỉnh cầu được gặp. Và lại Diệu Âm sẽ đến; nên Văn Thù cung thỉnh Phật gia hộ. Diệu Âm liền hiện nơi nguyên nhơn để thấy. Do nhờ Phật lực mà cùng đồng chỗ ngồi, thỉnh rồi mới thấy. Nếu chẳng thỉnh để gặp thì tháp liền đóng; cho nên chẳng có thể. Bấy là thỉnh gặp, chỉ nghe chứng thì chẳng thể. Nếu dùng sự thỉnh gặp, trải qua hay xưng gọi; sự tán thán ấy chẳng nói là thấy thân. Tức là làm rõ chỗ chẳng thấy Đa Bảo. Nay thì Văn Thù muốn gặp Diệu Âm. Kinh chẳng tán thán việc Diệu Âm đến. Văn Thù được gặp. Văn Thù lại ứng chơn, chẳng thấy Diệu Âm. Nếu đã thỉnh gặp rồi thì được thấy, sao lại nói vậy? Diệu Âm muốn gặp liền gặp. Sao trong câu văn lại nói là việc gặp chẳng thể được? Tán là cung kính tháp, không có Phật chứng thì chẳng thể. Vì sao lại nói Diệu Âm kính tháp mà chẳng nói là kính Phật? Sau khi chứng, tháp đóng lại. Khi Phổ Hiền đến lại chẳng nói kính tháp? Tháp lại cũng không. Chẳng được nói tháp, lúc ấy trả qua đi. Câu văn không lưu lại nơi tháp. Tuy chẳng kính tháp, chẳng phòng có tháp. Chẳng nói kính Phật vì sao lại phòng gặp Phật? Lại như sau khi tháp mở, tất cả đều ở trên hư không. Văn Thù Hải Hội nói là nghinh tiếp ở Linh Sơn. Há chẳng biết rằng Phật tại trong bảo tháp? Dùng núi chính, cho nên nói là nghinh thỉnh ở núi. Dùng điểm chính ở tại tháp; cho nên

nói rằng kính tháp. Chẳng phải chẳng nghinh tiếp trên hư không và còn thân cận lễ Phật, mà như xưa nói rằng: hoa sen ấy ở dưới chân, cũng chưa hẳn ở nơi đầu gối. Đây chỉ là một từ ngữ kính trọng. Điều này nên rõ như thế. Lại nữa nơi Chánh Pháp Hoa có nói việc Quan Âm cúng chuỗi Anh Lạc. Một phần phụng cúng Đức Thích Ca Mâu Ni, một phần phụng cúng Đức Đa Bảo Như Lai; chẳng nói phụng cúng tháp. Rõ ràng là tháp chưa đóng; nên Diệu Âm được thấy. Bây giờ tuy nói đóng; nhưng mà chẳng thể được. Chín là hai phần chẳng rõ việc chứng thì chẳng thể. Nếu dùng Đa Bảo để chia làm hai thì chẳng gặp hóa Phật. Làm rõ biết hóa Phật; cho nên lúc ấy Long Nữ mới phụng cúng Đức Thích Ca và Đa Bảo lại đã qua rồi. Lại nữa Ngài Văn Thủ chẳng lễ phân thân của Đức Đa Bảo; Đa Bảo chẳng phải chẳng không. Quan Âm chẳng cúng phân thân, được những gì mà đã đi khỏi? Cúng kính lễ rồi; cho nên chẳng thể. Mười là vô biệt phân thân, chẳng thể chứng được. Giá như bên dưới kinh văn chẳng nói về hóa Phật. Sao lại bỏ cái tính ấy lại? Như phẩm Dược Vương chẳng nói đến Thanh Văn, Thanh Văn há chẳng có? Nếu đứng trong phẩm Phổ Hiền để nói; tức là việc chứng ấy hiện có Thanh Văn. Duy chỉ trong Chánh Pháp Hoa phần Chúc Lũy ở nơi kinh chưa có. Việc làm rõ biết hóa Phật lại cũng có như thế. Nghĩa của câu văn nói có thể tức là có thể. Văn nghĩa chẳng đầy đủ. Vì sao lại nói quá vậy? Vì thế cho nên chẳng có thể.

Trong phần chế bản, câu văn nói thứ nhất về phẩm Phương Tiện, sau đó 8 phẩm nói phần Chánh Tông. Một ấy nói cho đến phần phẩm Bất Khinh Bồ Tát lấy làm Chánh Tông. Tuy có hai cách giải thích ý, dựa vào đó để giải thích. Vì sao vậy? Câu văn ở dưới nói rằng: Nay ở trong kinh này tuy nói là nhất thừa, lại cũng nói khai cửa phương tiện; tức là hiển quyền thườ xưa; hiển tướng chơn thật; tức là nay nói lời thật. Lại nơi phẩm Phương Tiện lấy làm căn bản chánh để rõ quyền, thật; cho nên nói về hóa thành dụ. Lại nói lại nghĩa trước. Ba căn rộng nói. Ở phía dưới thì tán thán khuyên làm, thuyết pháp đầy đủ, liền đó Trí Tích thỉnh đến. Vì làm rõ chỗ lưu thông; nên hiển kinh thể lực, hóa thành rộng lớn hơn; chẳng phải đây là quyền hiển nơi nhứt thật. Lại nữa nơi luận ấy giải thích rằng: bảo người con như Thanh Văn, làm các việc và muốn làm

cho Thanh Văn quay về với việc lớn. Nơi Nhiếp Đại Thừa nói : vì dẫn nhiếp một loại và nhiệm trì cho nên nói thành hai thừa, mà chẳng bỏ chỗ kia, há nói rằng báo, pháp(thân) chẳng làm khởi lên hóa(Phật)và khi thành Phật rồi chẳng khởi hóa Phật nữa; nên chẳng làm cho việc tu Phật là nguyên nhơn của đức; cho nên rõ biết chẳng phải xả nơi hóa thân, tuy nói pháp, báo(thân). Lại nữa ba Phật ấy đầy đủ Bồ Đề Vô Thượng ; cho nên nói đệ nhứt thiện. Ngoài ra phẩm Phương Tiện làm sáng tỏ cho đến phẩm Thường Bất Khinh làm Chánh Tông. Cho đến phía dưới phẩm Phương Tiện 19 phẩm làm sáng tỏ kinh thể, sau 8 phẩm làm rõ chỗ lưu thông. Tựa ấy làm rõ chỗ dạy dỗ, do thể ấy làm rõ sự lợi ích nơi chỗ ngồi. Nếu dung được sự thọ ký làm ích lợi thì tức là nói phẩm Phương Tiện này và dưới đó 8 phẩm làm Chánh Tông. Nếu được chứng thì tất cả được gọi là lợi ích. Sự hướng dẫn của Pháp Sư tốt đẹp cho đến phẩm Phổ Hiền tại sao phải đến Bất Khinh. Điều này có lớn có nhỏ; ngoài ra như trước đã chế định, được mất có thể rõ biết. Có giải thích về 7 việc thành tựu. Bài tựa, sự thành tựu lại có hai. Một là trong những pháp môn hiển thị có tốt. Hai là tự tại công đức thành tựu. Nói pháp môn tối thắng; cho nên chia ra câu văn thành tựu nơi lời tựa. Tự tại công đức; cho nên chia ra làm sáu loại. Đây chính là sự giải thích về luận đúng, sai.

Luận ấy tự phân chia ra bảy thành tựu như đã nói. Lại nữa phần tựa thành tựu; tức là mỗi mỗi từ giải thích, dung hai nghĩa này phân biệt thuộc thành trì của núi. Làm sao được tự tại trực thuộc 6 thành tựu mà chẳng thể nói? Luận nói rằng: hiển thị pháp thù thắng này tức là đề cao những chỗ thuộc kinh văn. Công đức thành tựu nghĩa là chẳng thể kết hợp phân phối rõ ràng thuộc phạm vi ngoài 6 ấy. Dùng pháp tốt đẹp nói đến việc hiển thị hai việc phía trước. Lấy đó có thể chỉ bày rộng ra và chỗ công đức rộng lớn ấy gọi là pháp. Pháp ấy gọi là rộng rãi rồi giải về”ta nghe như vậy”. Tất cả đều nói rằng chính A Nan gần gũi thân cận nghe từ Phật.

Hỏi rằng:Như Phật thành đạo sau hai mươi năm A Nan mới bắt đầu xuất gia thì làm sao các kinh đều có thể ghi là”Ta nghe như vậy”?

Đáp rằng: Vì Phật nói lại lần nữa . Sao biết được điều này? Trong kinh Bồ Tát Xứ Thai đều nói rộng phân biệt điều này. Trong thời gian Phật nói, kẻ chẳng nghe là A Nan, thì nói là không nghe và Phật bảo nghe nên nói. A Nan được Tam Muội nơi Phật; cho nên có thể thọ trì được vậy.

Hỏi rằng: Nếu như thế thì tại sao Đại Trí Độ nói rằng: Lúc A Nan ngồi tòa cao để nói kinh thì hướng đến nơi Đức Phật nhập Niết Bàn để nói kệ rằng: Lúc Đức Phật mới chuyển bánh xe pháp thì lúc bấy giờ ta chưa thấy, nghe triền chuyển như vậy. Xưa nơi Ba La Nại vì 5 Tỷ Kheo mà chuyển bánh xe pháp Tứ Đế?

Đáp rằng: Văn của Đại Trí Độ Luận tùy theo bộ kia ; cho nên nói như thế. Lại nữa giải thích Đức Phật tại đó lần đầu tiên vì 5 người mà nói. Sau đó lại vì A Nan mà nói lại. Nói đây là nghe triền chuyển.

Hỏi rằng: Nếu như vậy thì Nhập Đại Thừa Luận nói rằng: A Nan giữ pháp chẳng hết . Vì trước đó 20 năm tất cả đều chẳng nghe. Lại nữa dẫn theo kinh A Hàm thì nói: Thích Đề Hoàn Nhơn sai Uất Đa La nói. Tôn Giả ! ta được tha tâm nên quan sát tất cả chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề chẳng có thể hay thọ trì Phật Pháp; chỉ trừ Tôn Giả; ngoài ra chẳng ai có thể. Do nguyên nhơn duyên này có thể biết rằng A Nan chẳng thể lãnh hội. Lại nơi kinh Thủ Lăng Nghiêm, Phật vì Tịnh Nhựt Tạng Thiên Tử mà nói. Chỗ lãnh hội của A Nan ít, chẳng đủ để nói; chẳng gìn giữ, điều ấy có rất nhiều. Cho đến nói rộng ra lại đầy khắp cả mười phương vì trần thế giới, tất cả đều như A Nan, chẳng thể thọ trì hết, lại cũng như thế chẳng?

Đáp rằng: Căn cứ nơi Đức Phật thì những gì chưa như thế , thì chưa vì đó mà nói thêm. Lại giải rằng: Thủ Lăng Nghiêm kinh căn cứ nơi chỗ sở ngộ của Phật, chưa nói pháp; cho nên nói rằng chẳng thể tổng trì. Những gì mà chưa nói như lá trong rừng. Lại nữa, nếu ở nơi này nói pháp thì A Nan có thể gìn giữ. Ngoài 10 phương Tịnh Độ khác thì A Nan chẳng thể nghe giữ được.

Hỏi rằng: Nếu A Nan Đà chẳng phải là Đại Bồ Tát thì chẳng thể thọ trì. Nếu Bồ Tát này hóa thành Thanh Văn thì sao chẳng thể thọ trì?

Đáp rằng: Tại ở nhơn vị vậy . Nơi hiển tướng thân ở tại thế giới này. Ngoài ra nói rằng chẳng thể trì. Ở trong thế giới này nếu thật, thì không thể nói gì cả. A Hàm nói chỉ trừ Tôn Giả, ngoài ra chẳng thể được. Uất Đa La lại là Thanh Văn, là nơi thai để nói, tất chẳng thể trì, chẳng sai biệt sao. Cho nên tạo ra thông lệ này. Những câu văn đã chẳng sai. Nói các lậu đã tận để giải thích. Câu Xá nói rằng: Khể Lưu hữu tình, nơi sanh tử; hoặc làm cho lưu chuyển nơi sanh tử. Từ Trời Hữu Đảnh cho đến ngục Vô Gián, do sự tương tục kia nơi sáu cửa đau đớn. Việc này thì vô cùng; cho nên gọi là Vô Lậu.

Thế Thân Bồ Tát thuật lại nói kinh bộ rằng: nếu giải thích tốt thì các cảnh giới lưu chú liên tục; sự sai này chẳng dứt; cho nên gọi là lậu. Trong Đại Thừa Tập Tập thứ sáu nói rằng: Làm cho tâm liên tục lưu chuyển, tan ra chẳng dứt; cho nên gọi là lậu. Điều này lại cũng nói rằng: nương vào cửa ngoài lưu chuyển; cho nên tạo thành dục lậu. Nương vào nội môn để lưu chuyển; cho nên thành hữu lậu. Nương vào hai chỗ kia để lưu chuyển; nên gọi là vô minh lậu. Làm cho tâm liên tục lưu chuyển, tan ra chẳng dừng nghỉ, thì đây là nghĩa của lậu.

Giải rằng: nơi cảnh sai quấy, tạo nên tên lậu là căn bản của Tiểu Thừa, mất đi cái nhu nhuyễn của Đại Thừa. Khi ra khỏi lậu, theo Du Già 64 nói về vô minh lậu, chỉ chấp vào cái thấy ác rồi nương vào vô minh, làm vô minh lậu. Cho nên luận kia nói rằng: Lược do năm tướng, lập nên tà, giải thích tà, tà dục vô minh lậu. Một là hữu tướng luận môn sanh khởi vô minh. Hai là vô tướng luận môn sanh khởi vô minh. Ba là phi hữu tướng phi vô tướng luận môn sanh khởi vô minh. Bốn là do đoạn kiến luận môn sanh khởi vô minh. Năm là do hiện pháp Niết Bàn luận môn sanh khởi vô minh. Đây là những câu văn để chứng minh, duy chấp vào phân biệt. Lại nữa hay chấp vào chỗ thấy để nương vào vô minh thì chẳng phải như vậy. Điều này chớ nương vào dục giới, ba sự tìm cầu nơi cửa để nói. Chẳng có, tuy nói, chẳng như vậy.

Bên trên lược về cảnh giới vô minh, không lậu, như sau đó sơ giải. Đại Thừa nói lý tận cùng. Du Già thứ 89 nói rằng: các cõi dục trói chặt bởi phiền não, duy trừ vô minh; nên gọi tên là dục lậu. Các cảnh sắc, vô sắc hai cõi ấy là nơi cột tất cả phiền não, trừ vô minh; nên gọi là hữu lậu. Đối với ba cõi; nơi có vô trí, tổng nhiếp làm một, lập nên vô minh lậu. Tất cả Câu Xá đều tụng rằng: dục, phiền não lại cột chặt, trừ si nên gọi là dục lậu. Hữu lậu ở bên trên hai cõi tuy phiền não trừ nghi, vô ký, cùng với nội môn định địa; cho nên hợp nhất. Vô minh các hữu là gốc; cho nên phân biệt làm một lậu; rồi trói buộc trừ hôn trầm trạo cử. Sa Bà nói: cõi kia cột chặt ít, chẳng tự tại. Cứ như phẩm loại túc luận và kinh bộ luận tông thì thêm hai điều này. Tuy nhiên căn cứ vào hai tông thì ba cõi phiền não, ba lậu nhiếp hết. Trong kinh lại nói rằng: lại chẳng có phiền não. Hai là giải thích như sơ giải, chẳng phải ba lậu nhiếp phía trước; hoặc chẳng hết, lại nói chẳng có dư. Có cách giải thích rằng: phía trước ba lậu nhiếp thủ, chẳng tận. Lại nói chẳng gồm phiền não. Thật là đối trá. Cuối các kết có nói: chẳng phải là chín kết, tướng ấy như Tông nói. Chín ấy tuy dục giới hiện sự trói buộc; cho nên chấp vào 5, trên dưới phân biệt kết nối. Nay nghĩa ấy chẳng phải vậy. Căn cứ vào 89 nói rằng: Nương vào 9 loại có thể hòa hợp; cho nên kiến lập nên 9 kết. Một là nương vào phẩm tại gia, có thể thương loài hữu tình, chẳng phải hữu tình, tất cả cảnh giới, sân tham ái cột chặt. Hai tức là nương vào chỗ tất cả ác cảnh giới sân si cột chặt. Ba là nương vào tự nơi hữu tình kiêu mạn cột chặt. Bốn, năm, sáu nương vào ác thuyết pháp, các phẩm của người xuất gia, ba loại tà ty, thắng giải cột chặt. Nghĩa là nương vào việc nghe không phải chánh pháp. Nương vào những chỗ chẳng như lý, tà tư duy, nương vào phi phương tiện để tu. Như thế có sự sai biệt liền chia làm ba loại. Bảy là nương vào nơi lãnh để thuyết pháp, luật, vô thắng giải cột chặt. Tám là nương vào phẩm xuất gia, trí bản cùng. Chín là nương vào phẩm tại gia tài bản cùng. Như thế khởi lên 9 loại. Sau đó hai căn cứ vào nguyên nhơn. Dùng phẩm xuất gia về pháp keo kiệt để rõ biết bản cùng trí. Phẩm tại gia keo kiệt về tài sản; cho nên sẽ bản cùng về tài sản. Căn cứ vào điều này đa phần sanh nơi dục giới. Không chỉ nói rộng, mà trong Tạp Tục thứ 6 có nói rằng: Ái kết nghĩa là 3 cõi tham ái kết chặt; cho nên mạn kết; tức là thất mạn. Vô minh kết chặt nơi ba cõi

vô trí. Trong Đại Đồng Hữu Bộ Biên Luận phân thứ nhất câu văn lại nói rõ; chẳng nói riêng về dục.

Lại nữa quyển 84 nói rằng: Đối với 5 loại có thể hòa hợp; cho nên nói là kết. Hướng đến 5 cõi có thể sanh nơi năm cõi. Đối với trong các cõi có thể hòa hợp cho nên gọi là hướng đến cõi ấy. Lại nói các cõi chẳng giản đơn như hai cõi trên. Làm sáng tỏ qua ba cõi, ba thấy và hai thủ; mỗi mỗi kết hợp lại như Câu Xá nói: Chấp vào vật; cho nên 3 việc thấy kia có 80 vật. Hai thủ ấy lại cũng như vậy; cho nên gọi là vật. Ba loại ấy thủ nơi một và có thể chấp giữ; nên gọi là các chấp thủ. Thủ ấy chấp thủ nên có thể thủ hữu phân biệt.

Vì trong nhân duyên ràng buộc nào mà chấp thủ tất keo kiệt chia làm hai?

Đáp rằng: Do tánh bất thiện tự do khởi lên; nên 8 sự trói buộc có thể như vậy. Trong 10 loại cột chặt phản phục lại đầy đủ hai nghĩa; nên gọi là số hiện hành. Lại nữa hai ấy có thể lấy tham tiền tài là nguyên nhân; cho nên biến hiện, cần sám tùy phiền não; cho nên não loạn cả người xuất gia và tại gia. Do vậy số giải rộng ra. Câu văn tận lý.

Nếu năm chấp thủ trên dưới phân kết, rộng hơn phần 84 nói rằng: Hướng về sắc, vô sắc, dục giới; gọi đây là phần dưới. Hướng đầy đủ tu đạo, thấy đạo là phần dưới. Do Ước(Giáo) hai điều này phần dưới sai biệt. Rộng ra điều này tức là ứng với 5 phần dưới của kết; rộng phân biệt hoặc. Không đầy đủ sanh ái chẳng thành, có kết. Khuyết nhuận sanh là câu văn dư, sai. Điều này theo Ước(Giáo) là phần nhiều. Chín kết lại cũng như vậy. Lược đưa ra chỉ 2,3. Ngoài ra câu văn giải khác có nhiều sự thiếu sót, sai quấy. Rộng ra điều này có thể rõ biết.

Ví dụ như trong chúng A Tu La, có người dẫn dụ kinh A Hàm nói rằng: Người ở cõi trời Quang Âm Thiên vào biển rồng, trôi trong biển rồi theo đó thành một cái trứng. Trải qua 8.000 năm thì sanh ra A Tu La nữ, thân lớn như núi Tu Di. Có ngàn đầu nhỏ trong nước; riêng chỉ một thân nữ sanh ra Tỳ Ma Chất Đa. Thân hình

gấp 4 lần biển lớn; chín đầu 8 chân, ngàn tay nhỏ nhiệm. Vào trong núi thơm Càn Thát Bà nữ sanh Xá Thai. Trong kinh này bàn về nghĩa của ngoại đạo. Phía dưới như vậy. Cõi trời dục giới hay chẳng sạch, dơ; há Quang Âm thiên mà chỉ toàn sạch sẽ ư? Có nơi giải thích rằng: Khi thuyết pháp cho đến khi thành tựu; gọi đây là kinh điển Đại Thừa. Có nhiều ý nghĩa khác nhau từ đây trở đi, mà sự khác biệt này tên gọi có nhiều cách khác nhau. Theo tất cả những kinh điển Đại Thừa thì nghĩa này chưa thể được; chớ nên giải tổng biệt. Lý ấy có thể như vậy. Dùng kinh điển Đại Thừa gọi tất cả kinh Đại Thừa. Điều này quá thịnh hành, có nhiều cách gọi sai biệt từ đây trở đi. Thế mà thông tất cả Đại Thừa. Điều này tức chưa thể.

Lúc luận giải rồi, đưa ra thuyết rất nhiều nghĩa. Phải rõ tất cả bao nhiêu thì được? Hoặc nói rằng ngoài kinh chưa nói Pháp Hoa này. Điều này như thế có thể rõ. Mười bảy vị thường giải thích một điều là nghĩa vô lượng. Lại có luận nói rằng: Kinh này có 17 tên gọi. Nếu rõ tất cả thì làm thế nào để nói điều này? Lại tự giải thích rằng. Lúc ấy chỉ nói một bộ giáo; nhưng nghĩa thì có 3 tên gọi. Như Hoa Nghiêm lại có tên là Phương Quảng. Lại nói rằng: Ngoài ra còn có 14 tên gọi để chú thích nghĩa rộng nữa. Trong kinh có nhiều nghĩa cũng không đủ. Nhiều nghĩa cũng không ngoài tên gọi. Thường là 3 tên. Thế thì tại sao lại có đến 17 tên gọi, qua tất cả kinh điển Đại Thừa? Lại được luận rằng: Kinh Đại Thừa này có 17 tên gọi. Nếu tên vô lượng nghĩa thì chẳng đầy đủ. Làm thế nào để nói rằng: trong này có 17 tên gọi, thấy trong sáu cõi? Có nói về vua Diệm La, mà kinh Hoa Nghiêm sánh với những cõi khác. Kinh Hoa Nghiêm nói rằng: Làm cho chúng sanh lìa khỏi cõi của vua Diệm La, cái khổ gia hình. Cho nên nói rằng: làm cho chúng sanh lìa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ và vua Diệm La nơi có bốn ác khổ. Dùng câu văn này để chứng minh xác lập cõi ấy. Nếu so sánh với Du Già luận phần thứ hai thì: khi kiếp sơ đã thành lập xong rồi, có một loài hữu tình cứ tăng dần lên và do tạp nhiễm nghiệp nên sanh vào nơi lạc già, tạo thành nơi yên ổn, rồi làm vua. Lại nói về chỗ sanh kia; cho nên rõ biết và nhiếp kia. Nay thì nghĩa không phải như vậy. Nếu hứa với cõi kia để nhiếp thì nên thọ khổ của cõi

kia. Nếu thọ khổ ở cõi kia thì làm sao có thể trị phạt những hữu tình ở cõi kia được?

Cho nên Duy Thức thứ 20 nói rằng: Duyên gì mà chẳng bằng lòng với ngục tốt, mà loại này thật là loài hữu tình. Chẳng đúng lý vậy. Sanh vào nơi kia thì chẳng nên nhiếp Na Lạc Già vậy. Chẳng thọ như kia về chỗ thọ khổ. Cho đến có thể tự chẳng thể nhẫn thọ được đất nóng, lửa dữ, đốt cháy khổ sở. Sao lại nói kia có thể bách hại những kẻ kia? Vì như vậy nên rõ rằng chẳng phải nhiếp cõi kia vậy. Lại nữa Hoa Nghiêm nói rằng: Cho đến vua Diêm La là kẻ ở 4 cõi ác khổ, mà vua quan thì ở riêng biệt một cõi. Căn cứ vào cõi thật của quỷ thì như A Tu La khác nhau đối với Luận Du Già nói rằng: sanh vào nơi Na Lạc Già rồi yên ổn liền làm vua để phán quyết cõi kia. Lại cũng nói rằng: Sanh nơi Na Lạc Già tạo sự yên tĩnh, rồi làm vua để phán xét các loài hữu tình thì chẳng phải vậy. Lại nơi Duy Thức thứ 20 có sự sai khác với những kinh luận về cõi quỷ này.

Hỏi về nghĩa lớn nguyên nhơn để thành tựu thì luận giải thích có 8. Như nghe đầy đủ về thí dụ, rồi mới khai quyền hiển thật. Với Trung Luận thì nói rằng: chỉ bày hai loại cảnh giới bí mật để làm đồn ngộ cho con người, so với tiệm ngộ chẳng?

Đáp rằng: So sánh với nghĩa tuy thông, mà ý là đối với tiệm ngộ. Vì sao vậy? Căn bản là do Thanh Văn tạo nên việc này. Muốn làm cho nghe biết pháp khó tin. Nếu căn cứ vào đồn ngộ để chỉ bày cảnh giới bí mật thì liền làm cho chấp vào ý nghĩa của cảnh giới thanh tịnh, sao có thể nói đầy đủ hơn? Cho nên đối với Thanh Văn khiến cho xả bỏ tích quyền. Chỉ cho Thanh Văn cảnh giới bí mật, làm cho chấp vào chỗ thật này. Hiển thị cảnh giới bí mật của Bồ Tát. Bên trên tất cả hiển thị làm cho hoan hỷ. Chưa làm rõ, khiến cho tu lý, trí, làm cho tu chứng nơi hai quả. Hữu Đắc Trí xem lý đối với việc nghe.

Hỏi rằng: có thuyết nói về hai loại cảnh giới bí mật. Nghĩa là thọ pháp loa, đánh pháp cổ lớn. Nghĩa này thì như thế nào?

Đáp rằng: Thuyết kia chẳng như lý, không đúng vậy. Luận rằng: Đại pháp cổ là hai câu thị hiện. Nếu chấp vào Pháp Loa tức là đại pháp cổ một câu hiển thị. Sao lại được nói là hai? Nếu nói rằng chấp vào pháp cổ cùng với pháp loa kia nói là hai câu thị hiện, thì chẳng bỏ đại pháp cổ, lại làm sáng tỏ nghĩa gì đây? Nếu nói luận kia là chỗ để phân biệt điều này với kinh kia, thì như vậy luận văn ấy tự giải thích về kinh riêng, làm sao có thể dẫn nghĩa giải thích kinh Pháp Hoa này? Hà huống là những kinh điển Đại Thừa vô biệt bộ giải thích? Thứ nhất Phật nói vô, hữu hai kinh, chỉ nên từ luận 8 ấy. Câu văn có thể tự ý so sánh những gì mà có thể giải thích. A Hàm 8 loại sâu xa lại thông, giải thích về trí tuệ. Nghĩa tuy có thể như vậy; nhưng khi giải thích luận văn thì có 8 loại sâu xa, thông thích làm hai. Sai biệt ở chỗ luận nói. Như thế câu văn có thể rõ biết.

Hỏi rằng: Luận ấy nói: sanh ra sợ hãi thì làm cho đoạn lìa sợ hãi, vì lợi ích cho hai loại người. Câu văn phía dưới lại nói rằng: 4 hồi sợ hãi. Nghĩa là Đại Đức Xá Lợi Phất và ta chẳng chứng pháp Tiểu Thừa như vậy, mà tự dừng. Tức là tâm hồi quá này; gọi đây là sợ hãi; cho nên trước nên sợ. Vì sao lại giải thích rằng: chẳng nói không sợ; nói ấy tức là sợ chẳng?

Đáp rằng: có luận nói rằng: Nếu vì sự nói ấy; nghĩa là Ngài Xá Lợi Phất cùng ta chẳng chứng. Cho nên nói rằng: có sợ hãi. Lại như tâm nghi ngờ, liền có mới, cũ. Điều hồi quá này cũng như thế. Vì muốn đoạn trừ sửa đổi nguyên nhơn, hồi liền nổi lên. Lại nữa trước hồi để tu Tiểu. Nay vì nói phương pháp hồi ấy chẳng sớm để tu Đại; cho nên giải thích, không phương hại. Nay lại có một cách giải thích; hoặc có thể sơ giải bản chánh, có ngộ nhận; nên nói là hai. Một thuyết nói có sợ. Thuyết thứ hai; tức là chẳng sợ. Như Xá Lợi Phất nói rằng: nghe nói, chưa nghe, đoạn trừ hồi vậy. Giải thích này tinh lược quá, chẳng thuận với kinh luận.

Lại hỏi rằng: Sự sợ hãi có 5 như là: kinh sợ, sợ hãi, lại có sự báng bổ, làm cho thối thác, tổn hại và điên đảo. Vì sao lại bỏ chỗ để lui?

Đáp rằng: Nghe nói rằng: chẳng bỏ báng; cho nên ngồi yên. Tăng thượng khởi lên hủy báng; cho nên thôi lui chỗ ngồi.

Hỏi rằng: Kẻ tổn hại phỉ báng nghe để phỉ báng; cho nên chẳng thoái lui. Vì sao luận nói rằng: có Thanh Văn chấp giữ, dùng sự thật bỏ báng không Đại Thừa chẳng?

Đáp rằng: Nghĩa là Thanh Văn chấp thật, kẻ hủy báng không Đại Thừa. Căn cứ xưa kia kẻ phạm phu nghe Tiểu Thừa giáo, chấp vào đó lấy làm cứu cánh. Nghĩa là chẳng có Đại Thừa. Chưa hề nghe nói đến Đại Thừa. Khởi lên sự hủy báng; điều này làm tổn hại hoặc phỉ báng. Theo chỗ nương vào Tiểu Thừa cho là cứu cánh. Chấp cứu cánh của ngã như là Niết Bàn. Nay nghe Đại Thừa liền tin, chẳng phỉ báng. Thường cân nhắc, chẳng phân biệt, chẳng thể tiến tu. Liền nghe chỉ có một. Tức là chẳng phải có Thanh Văn được diệt, ngược đạo. Nghi về sanh; cho nên gọi là tổn hại. Cho nên câu văn phía dưới nói rằng: Nếu ta và Đề Tử thật được A La Hán, Bích Chi Phật, mà chẳng tin kinh này, thì chẳng có căn cứ.

Hỏi rằng: Như vậy thì chẳng nói định tánh Nhị Thừa làm chỗ ngồi hiện tại sao?

Đáp rằng: Quả vị Bích Chi Phật thì việc này không định. Kinh hay nói việc cầu Duyên Giác. Định Tánh của Thanh Văn tuy chẳng thật có, lại cũng chẳng phải phòng hộ. Làm cho trở thành chẳng phải pháp ngu. Lại nữa giả sử việc nghe ấy có tin; tức chẳng hồi tâm. Lại thêm tổn hại, sợ hãi, chẳng phải lại cũng sai lầm sao?

Hỏi rằng: Khó nói về hai cõi thú như dê , nai, khó ra khỏi chỗ ở. Còn cõi của Thái Tử đối với trâu kia lại cũng nên ra khỏi chỗ ở?

Đáp rằng: Nhị Thừa hoặc Bồ Tát, dê, nai, gọi là ra khỏi nhà. Ở vào kiếp sơ hoặc du hành; chẳng được gọi là ra khỏi nhà.

Hỏi rằng: Địa tiền Bồ Tát hoặc tại khổ chẳng được gọi là ra khỏi nhà. Từ Sơ Địa trở lên hoặc tại khổ lại cũng nên chẳng ra khỏi nhà sao?

Đáp rằng: Phân biệt có hai chương. Rời khỏi sơ địa được lìa phân đoạn; gọi đây là ra khỏi nhà.

Hỏi rằng: như vậy thì sơ địa thọ việc khó khăn để lìa phân đoạn; nên gọi là ra khỏi nhà. Ngược lại với dễ dãi ở bát địa thọ tiền thì bảy ấy chưa lìa, không thể ra khỏi nhà chăng?

Đáp rằng: Trước bảy(địa)có thể lìa phân đoạn. Tuy chẳng phải là không dễ dàng để gọi là ra khỏi nhà.

Hỏi rằng: Nếu như vậy thì ba quả có thể lìa phân đoạn chăng? Mà ba quả đầu con người gọi là ra khỏi nhà?

Đáp rằng: Lực của sơ địa Bồ Tát có thể do bi tâm mà chẳng thọ xung ra khỏi nhà. Trước ba quả người lìa, chẳng định, không phải là điều này vậy; cho nên giữ lại, chẳng ra khỏi nhà.

Hỏi rằng: Nếu như ba quả trước chưa thể hồi hướng đến Đại; chẳng thọ, khó khăn, chẳng ra khỏi nhà. Chẳng định hồi tâm, thọ nhận khó khăn, có thể lìa đoạn phân; nên gọi là ra khỏi nhà chăng?

Đáp rằng: căn cứ vào kẻ hồi tâm, liền thọ nhân sự khó khăn, được gọi là ra khỏi nhà.

Hỏi rằng: Nếu như vậy thì ba quả đầu con người há được gọi là ra khỏi ba cõi khổ, đầy đủ ba minh và lục thông sao? Phần thứ hai ở dưới nói rằng: Nếu tâm quyết định đầy đủ ba minh và lục thông thì có được Duyên Giác, chẳng thoái tâm Bồ Tát. Trường Hàng lại cũng nói: Thấy các chúng sanh, từ nơi Phật dạy ra khỏi 3 cõi khổ chăng?

Đáp rằng: Những câu văn như vậy căn cứ nơi thuyết quyết định. Hữu học hồi tâm và thọ nhận khó khăn đều bất định; cho nên chẳng chương; gọi là ra khỏi. Nếu như chẳng phải như vậy thì nên chẳng bỏ xe. Nếu chưa bỏ xe được thì ghi lại cái gì ? Nếu nói rằng: ở trong nhà lại được xe; được nhớ lại, được xe; tức là nên có học cách lên xe để ra khỏi nhà. Nếu như vậy thì khiến cho hữu học hơn vô học. Vì ở trong nhà được xe rồi. Nếu nói rằng: Hữu

học chưa gọi là được xe; cho nên nói vô học. Nói những gì mà vô học được ghi lại; tức gọi là cùng xe với xe. Hữu học được thọ ký, chẳng gọi là cùng xe với xe. Nếu nói rằng: cảm nhận cái khổ; cho nên chẳng cùng xe với xe. Trước đệ thất địa lại cũng nên nghĩ như vậy.

Hỏi rằng: Trong Thích Già có so sánh với luận và nói rằng: Kẻ không phải Nhị Thừa thì không Nhị Thừa Niết Bàn. Vì vậy cho nên không Niết Bàn. Vì Hành Quả lại cũng chẳng phi hữu chẳng?

Đáp rằng: Có nơi nói rằng có thể chứng trí và có nơi chứng lý. Tức là không có hai Niết Bàn. Sáng tỏ lại cũng không hai trí. Nhị trí đã không; cho nên hai hành cũng không. Hành nhơn chỉ chỗ khởi, lại chẳng có lời dạy riêng biệt; cho nên nói cả hai là vậy. Nghĩa như thật tức chẳng phải như thế. Thường chẳng phải hai lý. Chỉ một chơn như. Duy chỉ có Đại Niết Bàn vậy. Những câu văn trên dưới thường nói về pháp thân thì chẳng có sai biệt. Lại nói những gì về pháp thể, thì chỉ có thể của một thừa. Nhứt thừa thể nghĩa là chư Phật Như Lai bình đẳng pháp thân. Thanh Văn Bích Chi Phật chẳng như thể bình đẳng pháp thân như kia. Do nhân quả, hành quán không giống nhau. Cho nên nói là do nhân quả hành quán chẳng giống, minh trí hạnh cũng sai biệt.

Lại nữa như trước đã nói rằng 3 thừa pháp kia thường có tên gọi là chương đầu, câu văn nói chẳng phải nghĩa thật. Vì thật nghĩa kia, chẳng thể nói vậy. Lại nữa lý vô vi, thể một ấy, không phân biệt trí hành cùng với sự thật sai biệt ở một phương tiện khác.

Hỏi rằng: Đã nói về thật, chứng A La Hán thì chẳng tin pháp này, không tồn tại ở nơi này. Sao lại được có sự tổn hại việc lo lắng?

Đáp rằng: Nay nói thật được là căn cứ vào kẻ hồi tâm. Do vậy phần thứ hai nói rằng: Chúng ta ngày nay mới thật là Phật Tử. Lại cũng nói là chơn A La Hán. Kẻ sáng suốt chưa hồi thì chưa phải là Phật Tử, chưa phải là A La Hán. Bất định là như vậy. Định tánh lại cũng như thế. Cho nên nói là chính mình; nghĩa là chẳng phải chơn thật hai Thánh. Nếu như thế thì được gọi là tăng thượng mạn, được thể gian định; nghĩa là được vô lậu; gọi là tăng thượng

mạn. Hay được giải thoát nhỏ và chưa được giải thoát lớn. Lại nữa chưa được pháp thân, mà tự cho rằng cùng với Như Lai đồng ngồi nơi tòa giải thoát. Tuy không còn phiền não là sở tri chứng. Do không chứng kia; nên được gọi tên là mạn. Nếu chẳng phải như vậy thì lúc đầu chưa tin, sau đó mới tin; nên mỗi mỗi không có chỗ này. Tăng thượng mạn lại cũng như thế, trừ Phật diệt độ rồi, sau đó liền hóa mới được. Tuy tạo ra sự giải thích này; nhưng chẳng giống như sự giải thích trước. Phía trước giảm sự lo sợ, giả sử chẳng hồi tâm, nghe lại chẳng phỉ báng, thuận với câu văn này.

Hỏi rằng: Kinh nào nói rằng: Ta biết chúng sanh này chưa hề tu căn lành. Kinh này chính là làm thối ai tâm người tu giải thoát. Trước nói rằng: nay ở trong chúng hội này như ta cùng với trăm ngàn vạn ức đời đời đã từng từ Phật nhận lãnh sự hóa độ. Quyền thứ hai lại nói rằng: Ta ở nơi hai vạn ức Phật, mà chúng vô thượng đạo; cho nên thường giáo hóa các người chẳng?

Đáp rằng: Có hai cách giải. Một nói là chớ căn cứ chỗ chẳng thối; nên căn cứ nơi người nhỏ; nghĩa là chưa tu thiện. Một cách khác nói rằng: giả sử gặp tu lớn. Chẳng phải tăng thượng phẩm thì chưa thành định vị; nghĩa là chưa tu căn lành. Chẳng toàn diện, chẳng tu.

Hỏi rằng: Vì căn cứ vào đời này để nói nhiều đời chẳng?

Đáp rằng: Nói về nhiều đời, nhiều đời ấy là chỗ hóa độ, há được nói rằng ta gặp để nói. Giả sử ngoài Phật giáo hóa ra, lại cũng nói là vì ta. Chẳng phải chỉ đời này. Nghe ấy tức là chúng được Thánh; nơi quả nhỏ. Cực tột sanh ra ba. Giống như Thu Tử trải qua 60 kiếp, há chỉ có đời này mới giáo hóa nơi việc nhỏ. Nếu như vậy thì tại sao ở quyền thứ hai nói rằng: đầu tiên nghe Phật pháp, gặp đó liền tin thọ?

Đáp rằng: ban đầu nghe, lại rõ được ngôn ngữ chẳng? Chưa thể định cho bây giờ.

Hỏi rằng: Nếu như vậy thì vì sao nói rằng: ta vốn dính mắc tà kiến vì các Thầy Phạm Chí, Đức Thế Tôn rõ biết tâm ta, phá bỏ tà ấy, nói Niết Bàn?

Đáp rằng: Vả lại căn cứ vào đời này, chẳng phải chỉ nghe mà ngộ liền chỗ nhỏ. Lại giải thích điều này căn cứ vào chỗ hóa hiện, thật thì chẳng phải như vậy. Ta dùng mắt của Phật. Phật có ngũ nhãn; nên nói là Phật nhãn quan. Ở đây ngũ nhãn ấy phân biệt nói về ngũ môn. Một là thể; hai là giải thích tên; ba là được người; bốn là phé lập và năm là tương nhiếp. Phần thứ nhất xuất thể nghĩa là căn cứ vào nhục(nhân) và thiên nhãn các tông nói khác, rộng ra để bàn, dư nhiều chẳng thuật lại đủ. Thường nương vào Đại Thừa, tự chính tông mình để nói. Có dùng chủng tử nhãn thức; nên gọi là nhãn. Cho nên phần 20 của Duy Thức nói rằng: Thức từ chính hạt giống sanh; giống như tướng của cảnh mà chuyển đổi thành nội ngoại xứ vậy. Phật nói kia chia ra làm 10. Có dùng chủng sắc; nên gọi là nhãn căn. Quán xem nơi duyên và Duyên Luận nói rằng: Thức bên trên sắc công năng; gọi đây là ngũ căn. Với lý công năng cùng với cảnh sắc từ vô thi nương tựa nhau để làm duyên. Có thuyết nói rằng: hay do cảm nhãn căn nghiệp chủng; nên gọi là nhãn căn. Thành Duy Thức Luận nói rằng: Có Bích(Chi Phật) như trước đã nói, quá khó rõ biết, phụ vào đó chấp kia lại chuyển. Nên lại nói: Trong thức, chứa hạt giống nghiệp; gọi đây là ngũ sắc căn. Như trên ba cách nói ấy đều chẳng phải đúng nghĩa. Đối với pháp thì Ngũ Uẩn Du Già nói rằng: nhục nhãn thể tánh lấy 4 đại chủng để tạo ra tịnh sắc mà làm nhãn căn. Đối với trong này có ba cách nói. Một là chủng tử, hai là hiện hành và ba là cả hai. Thuyết này mới đúng. Cho nên Ngũ Uẩn Luận nói rằng: Nhãn căn vì sao có nghĩa là tứ đại; chỗ tạo ra căn thức để nương vào. Dùng sắc để làm cảnh; cho nên thông qua đó hạt giống hiện ra. Thiên nhãn căn thể ấy dùng định để khởi lên tứ đại; chỗ tạo ra tịnh sắc làm tánh. Đây chính là thông với quả vậy. Cho nên Vô Trước Bồ Tát nói trong Bát Nhã luận rằng: Vì sắc nhiếp vậy. Sắc nhiếp lại có hai. Nghĩa là pháp quả tu quả. Pháp quả tức là nhục(nhân). Tu quả tức là Thiên(nhân). Pháp tức là tên gọi chung tất cả vậy. Tức có thể cảm nói nghiệp; nhục ấy là quả này. Tuy rõ biết tổng gọi riêng là nhục, như nói ở sắc xứ. Tu ấy nghĩa là

định nhơn này; tu chỗ khởi lên; nên gọi là tu quả. Huệ pháp hai mắt đầy đủ huệ làm tánh. Duyên với chơn và tục hai cảnh riêng biệt. Cho nên Vô Trước Bồ Tát trong Bát Nhã nói rằng: Đề nhứt nghĩa đề vào đời đề nhiếp đề. Lại cũng có nghĩa là đề nhứt nghĩa trí lực. Thế trí ấy không bị điên đảo chuyển. Đây là một huệ ước, giữ cảnh dụng phần. Phật nhãn tức là lấy 4 nhãn trước làm tánh.

Trí Độ Luận nói rằng: Giống như 4 con sông chảy ra biển. Tất cả đều gọi là thiên trì (ao trời). Bốn nhãn trước ở nơi thân Phật thì gọi là Phật nhãn. Nếu căn cứ vào Vô Trước Bồ Tát Bát Nhã Luận đã nói thì sau Phật trí mới gọi là Phật nhãn. Luận rằng: Tất cả những chủng tử tất cả nên rõ nhiếp. Lại nói rằng: Tất cả nên rõ trong trí tất cả hạt giống công dụng trí, gọi là Phật nhãn. Trong Đại Trí Độ Luận nói rằng: Căn cứ vào tổng thể xuất thể. Trong Bát Nhã Luận nói mỗi cá biệt xuất thể. Lại cũng trong Bát Nhã luận rằng: 4 trước căn cứ vào nguyên nhơn Phật nhãn để ước quả, chẳng phải như vậy. Phật quả há có nghiệp cảm dị thực nhãn căn. Lại nữa Phật hậu trí há do bốn trí, chẳng thể đảo chuyển. Hãy rõ biết nhiệm vận vậy. Hoặc cũng trong Đại Trí Độ Luận nói rằng: Tất cả đều gọi là Phật nhãn. Dùng trí mạnh; cho nên tổng nói là trí. Nếu như vậy thì vì sao nói rằng: trong tất cả chủng ứng trí, tất cả chủng vô công dụng trí. Căn cứ vào điều này tức là Biến Thủ Hậu Trí làm Phật nhãn. Cho nên trước giải rõ.

Hai cách giải thích về tên. Một là tổng; hai là biệt. Tổng ấy gọi là nhãn. Tiếng Phạn gọi là Bạt Già Phạt Sô. Bạt Già ở đây nói là 5. Phạt Sô có nghĩa là hành tận. Nghĩa là như đi chợ đủ loại vật thấy hết rồi; cho nên nói là hành tận. Nương vào đó để dịch nghĩa là nhãn. Chẳng phải dịch đúng. Tiếng Phạn gọi là Nhãn. Nghĩa là mắt chiếu sáng. Có 5 điều giải thích. Mỗi cách giải thích khác nhau. Nhục (nhãn) nghĩa là dị thực sắc. Nhục ấy tức là nhãn. Riêng nghiệp lấy làm tên. Ánh sáng tự tại thanh khiết, thần dụng nên gọi là Thiên. Thiên ấy gọi là thông với dục, sắc, vô sắc; ý nói là sắc thiên. Mắt của Trời; cho nên nương vào người để làm nguyên nhơn.

Hoặc là Định Quả Quang Khiết; nên gọi là Thiên. Thiên ấy tức là mắt giữ lại từ nghiệp. Việc giải thích này quá viên vông.

Lại nữa Đại Trí Độ Luận nói có giống và khác nhau. Nói rằng: Thiên thì có thiên nhãn; cho nên chẳng phải ấy tức là nhãn. Chiếu soi gọi là huệ. Huệ ấy tức là nhãn. Lại cũng có sự giải thích của Trì Nghiệp. Pháp ấy tức là cảnh. Duyên nơi pháp của nhãn. Gọi đây là pháp nhãn. Căn cứ vào huệ cùng với duyên thông; gọi đây là pháp. Ngoài ra mỗi mỗi biệt duyên. Đây có thể là thông duyên. Lại duyên nơi giáo pháp. Ở đây riêng biệt; nên gọi là pháp nhãn. Phật gọi là như thường. Mắt Phật gọi là Phật nhãn. Nương vào đây sinh ra sự giải thích.

Ba là được làm người. Dục, sắc ở trong hai cõi hữu tình. Nếu là thiên nhãn này thì dục giới có sáu cõi trời cùng với ba châu, trừ Bắc Câu Lô được 4 tinh lự căn bản định, có thể khỏi thiên nhãn. Dùng đó để được thông. Nhị thừa có huệ nhãn, chiếu sanh không lý. Tuy cũng được pháp nhãn; nhưng lấy sự yếu đuối; cho nên chẳng nói kia thành. Bồ Tát có pháp nhãn, dung hữu chủng trí, hay duyên vào tất cả. Phật có Phật nhãn, cùng hiền có thể rõ biết. Lại nữa thành hậu hậu, tất nhiên có tiền tiền. Thắng được cả chỗ yếu kém. Sự yếu kém chẳng thành hậu được. Thành tiền tiền, chẳng thể định, có thể thành nơi hậu hậu. Đại Trí Độ Luận nói rằng: Trời có Thiên nhãn. Nhị Thừa có Huệ nhãn. Bồ Tát có Pháp nhãn.

Hỏi rằng: nếu Phật có pháp nhãn thì tức nhiên có Phật nhãn. Bồ Tát có Pháp nhãn; nên có tên là Bồ Tát nhãn chẳng?

Đáp rằng: Phật nhãn chỉ có Phật có. Do Phật lập thành tên. Pháp ấy chẳng do Bồ Tát. Từ cảnh(giới) nên gọi là Pháp nhãn. Ngoài ra y cứ vào trí.

Hỏi rằng: Pháp ấy chẳng do Bồ Tát, chẳng gọi là Bồ Tát nhãn. Thiên nhãn chẳng do Thiên thì vì sao có tên là thiên nhãn? Lại nữa Thiên nhãn chẳng do Thiên mà được gọi là Thiên nhãn, thì nhục nhãn chẳng do người, thì được nhơn nhãn sao?

Đáp rằng: Nhục(nhãn)thông với các cõi báo; chẳng gọi chỉ nhơn nhãn. Thiên chỉ riêng với pháp kia; cho nên gọi là thiên nhãn.

Hỏi rằng: Pháp thông nơi Phật, lại chẳng gọi là Bồ Tát nhãn. Thiên thông với các chúng, thành gì mà riêng gọi là Thiên nhãn?

Đáp rằng: Phật cùng với thiên xứ thông; cho nên gọi là thiên nhãn. Người chỉ khởi lên sau trời, thuộc thiên nên gọi là thiên nhãn. Lại nữa tên gọi ấy giả lập làm gì giả khổ để cầu. Giả sử tạo ra nhiều thông, rốt cuộc trở lại có nạn. Vả lại mỗi mỗi căn cứ vào nghĩa để lập nên tên gọi này.

Hỏi rằng: Bốn phê lập ấy vì sao lại lập nên ngũ nhãn mà chẳng tăng, chẳng giảm vậy?

Đáp rằng: Tất cả các pháp lược nói có hai loại. Một là sắc pháp. Hai là chẳng phải sắc pháp. Ở trong sắc pháp có 2 loại này. Một là hiển hiện cận sắc. Hai là ẩn tàng viễn sắc. Rõ hiển cận sắc cho nên lập thành nhục nhãn. Rõ ẩn tàng viễn sắc cho nên lập thành thiên nhãn. Hoặc trong sắc căn, định tán nghiệp riêng biệt. Tán nghiệp quả nhãn thành lập, vì nhục nhãn. Định sở khởi nhãn thành lập, vì thiên nhãn. Yếu mạnh chẳng giống nhau; cho nên chia làm hai loại. Do vậy Vô Trước luận nói rằng: Vị pháp quả, tu quả này vì ngũ nhãn. Trần cảnh giới; cho nên sơ sắc nhiếp. Trong phi sắc pháp có lý sự cảnh. Vì liễu lý cảnh lập nên huệ nhãn. Vì liễu sự cảnh lập nên pháp nhãn này. Lại nữa duy chỉ một trí căn bản đặc thù; cho nên lập thành hai. Do vậy Vô Trước Luận Đề Nhất Nghĩa Đế, nhiếp thể đế nhiếp. Lại lấy quả đối nhơn để tổng lập nên Phật nhãn. Cho nên trong Trí Luận ở phía trước tứ nhơn cho đến Phật quả, tổng gọi là Phật nhãn. Hoặc căn cứ được ở người chia thành 5 loại.

Hỏi rằng: Suy nghĩ so sánh có thể được. Phê lập như vậy thì lần lượt như thế nào?

Đáp rằng: dùng điều yếu, mạnh để dẫn đến việc lần lượt sanh. Đối với trong sắc, nhục nhãn là yếu nhất. Chỉ thấy(sắc)hiển lộ. Thiên nhãn thì mạnh hơn. Thấy qua ẩn hiện; cho nên nói sau về nhục(nhãn). Đối với ở trong phi sắc, do rõ chơn đế, tục trí, chẳng theo lệ. Lại nữa liễu tục do chứng chơn; cho nên nói là được huệ sanh pháp hậu. Trước nhơn sau quả; cho nên kế tiếp là

Phật nhãn. Do vậy Vô Trước Luận nói rằng. Đây chính là ngũ nhãn. Trần cảnh giới; cho nên là sơ sắc. Căn cứ vào đệ nhất nghĩa trí lực; cho nên thể trí chẳng điên đảo chuyển. Từ đó đệ nhứt nghĩa nhiếp ở phía trước. Năm ấy tương nhiếp với nhau. Căn cứ vào luận Du Già nói: Nhãn ấy có 3. Trong kinh Hoa Nghiêm thì nhãn ấy có 10; do cách gọi mà tương nhiếp. Tất cả đều như việc số giải. Nếu Du Già thứ 3 lập 1 cho đến 11, cùng với điều này tương nhiếp. Lo ngại rộng hơn chẳng thuật lại, kẻ muốn làm rộng hơn thì nên tìm câu văn kia.

Hỏi rằng : Kinh nói Bồ Tát nghe pháp này sự nghi ngờ tất cả được giải trừ. 1.200 vị La Hán tất cả đều sẽ làm Phật. Bồ Tát trong hai nghi ấy nay trừ được gì?

Đáp rằng: Cả hai đều trừ . Kia tự rõ được làm Phật, lại chẳng nghi kia chẳng được làm Phật.

Hỏi rằng: Sao mà rõ được?

Đáp rằng: Theo luận thích dụ thì phần thứ ba vì phá một hướng cầu Đại Thừa, chấp không có Nhị Thừa. Cho nên nói hai thí dụ.

Hỏi rằng: Bồ Tát nghi đã trừ, rõ biết được làm Phật, sao lại không được thọ ký?

Đáp rằng: Thanh Văn từ lâu học tập Tiểu(Thừa). Tuy tin rằng tự mình có thể thành Phật, lo ngại chưa được quyết định. Tâm làm cho được quyết định; cho nên cùng thọ ký riêng biệt. Bồ Tát trước chẳng học Tiểu(Thừa). Tuy lo kia thối (tâm)khi nghe nói nhứt thừa, rõ biết không phân biệt Tiểu; tức trụ ở Đại(Thừa)quyết định; cho nên giả thọ ký. Lại nữa cũng cùng thọ ký riêng.

Hỏi rằng: Trước nói chẳng phải nhứt(thừa)chẳng thành Phật; tức là tổng cùng thọ ký. Vì sao lại chẳng thọ ký riêng?

Đáp rằng: Vì nói lược cho nên khi nghe thì khác.

Hỏi rằng: Như vậy nói 1.200 vị A La Hán tất cả đều được làm Phật. Vì tự rõ sẽ được làm Phật, mà Phật chẳng rõ chẳng? Nếu tự

rõ biết rằng 1.200 người giống như Thu Tử một thuở được thọ ký, vì sao nói hóa thành rồi, mới sanh giải tâm ban đầu cùng với việc thọ ký?

Đáp rằng: Có hai cách giải thích. Một là nói rõ được, mà chưa hướng đến. Cho nên vui với Nhỏ. Nghe nói hóa thành mới hiểu biết và bỏ Tiểu(Thừa). Bắt đầu cũng được thọ ký. Hai là nói chưa rõ, mà khi nghe Phật nói kia sẽ làm Phật. Nghe đến lần thứ ba mới bắt đầu lãnh ngộ.

Hỏi rằng: Vì sao Bồ Tát nghe, nghi liền trừ, rõ biết sẽ làm Phật, còn 1.200 người tự chưa rõ biết được khi Phật nói?

Đáp rằng: Vì lợi(căn)và độn(căn)khác nhau vậy. Thu Tử lợi căn, một lần nghe thường phải giải nghi. Bồ Tát thì hơn hẳn; cho nên nghi ấy liền trừ. 1.200 vị ấy độn căn; cho nên chưa thể giải nghi được.

Hỏi rằng: So sánh phẩm Phân Biệt Công Đức nói rằng: Nếu nghe được phẩm Thọ Lượng, công đức vô thượng mà thoát tâm Bồ Đề thì chẳng có nơi này. Xá Lợi Phất ở trong quá khứ đã từng nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, như gặp Đại Thông vậy. Vì sao lại thối lui?

Đáp rằng: Có hai cách giải thích. Một là nói cứu cánh thối lui, rốt cuộc không có ở nơi này. Giả sử có thoát thì cũng hoàn lại như cũ. Hai là căn cứ vào kẻ ưu việt; hoặc căn cứ người lãnh ngộ nói chẳng phải tịnh, phần thứ ba hiển dương nói rằng: Một là giới tịnh, thiện trụ thì la(giới); cho đến các tội nhỏ, vừa mà thấy lớn, sợ sệt, thọ học, học xứ. Hai là tâm tịnh. Nương vào giới tịnh cho nên trụ ở 4 tĩnh lự(thiền định). Ba là thấy tịnh. Nương vào tâm thanh tịnh; cho nên được lậu tận trí. Hiện quán các chân lý. Bốn là độ nghi tịnh; nương vào chỗ thấy tịnh; cho nên đối với Phật, Pháp, Tăng chẳng hoặc, chẳng nghi. Năm là đạo phi đạo tri kiến tịnh. Nương vào đạo nghi tịnh; cho nên được diệu tri kiến. Rõ Phật chỗ nói đạo hay ra khỏi ngoại đạo để nói, chẳng thể hết khổ. Sáu là hành tri kiến tịnh. Nương vào đạo phi đạo tri kiến tịnh lại được tịnh; cho nên tri kiến tri. Ra khỏi đường ấy có thượng, trung

và hạ. Nghĩa là qua lòng từ bi là chỗ nhiếp vậy. Bảy là hành đoạn tri kiến tịnh. Nương vào hành tri kiến tịnh; cho nên được diệu trí. Nghĩa là ta sẽ đoạn những hành vi hạ, trong cùng với việc phát khởi thiện diệu thánh hạnh. Tám là Vô Dư Tịch Tĩnh Tịnh. Nương vào hành đoạn, tri kiến tịnh, chứng đắc vô dư, các lậu vĩnh viễn dứt trừ. Chín là quốc độ tịnh; nghĩa là chư Phật cùng với những công đức vô thượng, có thể thị hiện bất khả tư nghĩ công đức trang nghiêm ở nhiều quốc độ, làm cho Phật quốc thật cực tịnh, cũng như cực tịnh chư vị Bồ Tát và những quyến thuộc.

Hỏi rằng: Nhà lửa ví dụ Xá Lợi Phất vì thỉnh 1.200 vị, tất cả đều là những vị vô học. Vì sao luận thích nói rằng: Vì hữu học đầy đầy tách phiền não của chúng sanh?

Đáp rằng: Có hai cách giải thích. Một là nói theo Đàm Bồn thì nói Quyền Bồn là phạm phu. Nay lấy dụ để hiển; cho nên nói là đầy đầy tách phiền não. Như vậy tức là Đàm chứa ý; nên chẳng sai biệt. Hai nói rằng: Căn cứ vào việc Thanh Văn thỉnh. Chính vì Vô Học là bên cạnh của Hữu Học. Căn cứ bên cạnh ấy cho nên nói là phạm phu. Vô Học vẫn hiển, luận ấy lược chẳng giải thích, chẳng phải vậy. Kinh này làm tông sáng tỏ cho Nhứt Thừa. Như trong Phẩm Dược Thảo nói những gì làm cho rõ biết thừa khác. Nói đủ các thừa. Ước(Giáo)có học Thanh Văn làm cho trở thành Đại(Thừa). Văn hiển có thể rõ; cho nên lược bớt chẳng dẫn giải.

Hỏi rằng: Xe Dê, xe Hươu để chỉ cho chấp giữ pháp gì?

Đáp rằng: Căn cứ vào các nhà chú giải thì chấp vào Nhị Thừa Vô Học, sau khi giải thoát con đường của thế gian, tâm định hư chỉ. Đây là xe của chúng trí. Dẫn dụ các con làm cho ra khỏi tâm địa thế gian. Thật chẳng thể rõ tất cả các pháp. Cho nên ra khỏi cửa không được. Có thể chốc lát tu nghĩa, ngôn, không xe. Cho nên luận nói rằng: Người thứ nhất cùng với thế gian trông đủ các loại căn lành, tam muội công đức, khiến cho du hí(không thật). Rồi sau đó khiến cho vào Đại Bát Niết Bàn.

Hỏi rằng: Nếu như vậy thì nói những gì là thấp, hợp với dụ để nói về xe? Đây là ba thừa, dùng vô lậu, căn lực, giác đạo, thiền định để mà tự vui vẻ ?

Đáp rằng: Kia đều lên xe này trang nghiêm đầy đủ. Lại trong thân vô lậu làm chủ các pháp. Lại cũng có tên là vô lậu.

Hỏi rằng: Nếu như vậy thì xe trâu lại cũng như thế chẳng?

Đáp rằng: Cứu cánh kia là thật đức, mà điều hư này chỉ cho chẳng phải cứu cánh.

Hỏi rằng: Nếu như vậy thì hữu lậu há gọi là ra khỏi nhà?

Đáp rằng: Ra khỏi từng phần; cho nên gọi là ra khỏi nhà. Lại nữa cách giải thích ấy chỉ cho Vô Học quả vị, chỗ đắc vô lậu, sanh trí tuệ là vì xe dê(xe)hươu. Ở phía dưới nói tự tại không lo, không chổ nương cầu, không lậu căn v.v...

Hỏi rằng: Nếu như vậy thì xe ra khỏi cửa như thế nào để được trí ?

Đáp rằng: Dùng trí này giả và gọi đây là chủng trí. Đây chẳng thể rõ tất cả các pháp; nên phải tu. Nghĩa ấy nói xe tốt đẹp.

Hỏi rằng: Nếu như vậy thì gọi cái gì là thế gian?

Đáp rằng: Duyên nơi tục và việc đời vậy. Dùng trí kém ; nên gọi là thế gian.

Nếu như vậy thì đối với xe nói thành; nên chấp vào chân lý. Vì sao luận nói rằng: Thành Niết Bàn và thành của các Thiền Tam Muội. Niết Bàn; tức là chấp vào thành của Thiền Tam Muội. Bỏ Đề vì sao cuối cùng là thế gian trí? Lại nữa Nhị Thừa, sau khi vô lậu đắc, chẳng thể rõ biết tất cả các pháp. Sao gọi là làm cho vui vẻ, mà phía trước nói là lành?

Hỏi rằng: Ngoài cửa xe tốt vì kẻ tam thừa. Còn tất cả xe tốt khác chỉ cho Nhị Thừa sao?

Đáp rằng: Có hai cách giải. Một là nói thông với ba thừa tốt. Câu văn chẳng giản lược. Cựu đức nói; cho nên gọi là các con. Thứ hai nói là chỉ có Nhị Thừa tốt; mà chẳng phải Bồ Tát. Vì sao vậy? Nhà ấy dụ cho phân đoạn, được ra khỏi phân đoạn, được gọi là ra khỏi nhà. Nhị Thừa ra khỏi nhà được quả vô học. Bồ Tát ra khỏi nhà, ở nơi sơ địa. Nhị Thừa Vô Học chưa được chủng trí, sẽ có thể tu học; nên gọi đây là xe tốt. Sơ địa trở lên, được chủng trí xa; cho nên chẳng đủ tốt. Nếu dùng sự tu học gọi là xe tốt thì Thập Địa tất cả đều tu, hằng thường tốt đẹp.

Nếu như vậy tức là Bồ Tát chẳng thể chẳng lên xe, sao được nói là lên xe để du hí? Lại nữa luận nói rằng: trước đó làm cho nhập vào bất thối địa, hiện ra cùng với vô lượng trí nghiệp. Sơ Địa trở lên tức là đắc trí nghiệp. Tuy rõ biết tu học, kinh chẳng nói tốt, nói du hí. Nhị Thừa ra khỏi nhà, chưa được chủng trí. Chưa đến sơ địa, có thể cũng tu học nghĩa, gọi là xe tốt. Lại luận rằng : người thứ nhất này cùng với thế gian trồng nhiều căn lành tam muội công đức, làm cho du hí này. Sau đó làm cho vào thành Đại Niết Bàn, cùng với trời người thể thiện. Chưa được điều chơn này, có thể đầy đủ lời nói tốt. Bồ Tát chẳng để chỉ cho Đề,Huơu. Sơ Địa trở lên được chơn. Cho nên Bồ Tát chẳng tốt. Hoặc có thuyết nói rằng: Sơ cơ hư vọng; cho nên xe phải tốt. Hoặc nói rằng trong nhà nghe ba; ngoài cửa thấy một. Chẳng rõ ai, rõ một. Cho nên đều tốt đẹp cả là chẳng phải nói thật.

Hỏi rằng: Nếu Bồ Tát chẳng phải được xe tốt, gọi là ra khỏi nhà thì có ngồi chăng?

Đáp rằng: Gọi là ra khỏi nhà rồi ngồi. Thường là Ước(Giáo) Nhị Thừa cứu cánh vậy. Lìa chướng tận, tâm dừng lại, kiến lập quả vị. Các vị Bồ Tát học chưa cứu cánh, chưa lìa chướng tận, chẳng kiến lập quả được. Tâm chẳng dừng, chẳng được nói là trồng trái trên đất. Duy phân biệt mà gọi là trên mặt đất. Người trước 3 quả cũng lại nên như vậy. Nếu như vậy thì hữu học lại gọi là ra khỏi chỗ ngồi.

Vì sao ở dưới hợp dụ với ở giữa nói là Phật dạy rằng ra khỏi cửa tam giới khổ, sợ hãi, hiểm đạo, được Niết Bàn vui? Lại giải thích

rằng: Bồ Tát lại cũng được kê ngôi. Tuy chưa dùng và chưa tạo ra quả, mà dùng trí để an xứ, lại được gọi là ngôi. Có thể hàng phục nghi hoặc; cho nên xuất phần đoạn và gọi là ra khỏi ba cõi. Trên đất không hại?

Nếu mà ba quả lại cũng như đã hứa thì cũng chẳng mất đi. Giữ, bỏ nhiệm ý.

Hỏi rằng: Bên ngoài ba cửa, thể của xe này có nhiều chỗ chẳng giống nhau chăng?

Đáp rằng: Theo lối giải thích xưa thì đó là Niết Bàn. Nay nói rằng: sau đó được chánh trí. Chấp giữ Niết Bàn mà vì hình tướng của xe. Kinh luận, giải rõ câu văn này. Các kinh nói rằng: Muốn mau ra khỏi ba cõi, tự cầu Niết Bàn. Như những đứa con kia vì cầu xe Đê để ra khỏi nơi nhà lửa.

Hỏi rằng: Luận nói rằng: Sau đó thì vào Niết Bàn; cho nên thủ hậu trí mà vì ba xe kia. Lại nữa câu văn căn cứ vào đâu?

Đáp rằng: Lại trải qua kinh luận để làm rõ câu văn. Nói Đê, Hươu là vì hậu trí. Luận nói rằng con người là đệ nhất, dùng thế gian này để trồng những căn lành, tam muội công đức, phương tiện, làm cho vui vẻ, khiến cho vào Niết Bàn. Lại nói trồng các căn lành, tam muội công đức. Rõ ràng chẳng phải Niết Bàn. Cùng với xe Trâu nói cầu tất cả trí Phật, trí tự nhiên, trí vô sư, trí Như Lai để thấy được nhiều niệm an lạc. Rõ ràng chẳng phải là Niết Bàn.

Hỏi rằng: Tất cả đều đầy đủ thành, câu văn như thế nào là đúng?

Đáp rằng: Giữ trí làm chánh.

Hỏi rằng: Nếu như vậy thì câu văn trước giải thích như thế nào đây?

Đáp rằng: Niết Bàn tướng; cho nên gọi là Niết Bàn. Lại nữa cầu (xe)Đê, Hươu là vì Niết Bàn vậy. Chẳng dùng Niết Bàn hợp với Đê, Hươu.

Hỏi rằng: Như vậy thì kia lại giải thích rằng: Tri kiến tánh; cho nên Tam Muội tánh; gọi tên là Tri Kiến v.v... Lý thật Niết Bàn. Đây lại là điều gì vậy?

Đáp rằng: Do giải thích câu văn sai. Hợp với xe Hươu là nói vui riêng với điều lành tịch tĩnh, sâu rõ các pháp như duyên. Cùng với xe trâu nghĩa là nói cảm nhận an lạc, độ thoát trời người. Lại nói rằng: Ta dùng vô lậu căn lực, để tự vui. Lại nói rằng: Ta có xe lớn bảy báu như vậy, số nhiều vô lượng. Hãy nên cùng với tâm, mỗi mỗi cùng nhau. Chớ cho sai biệt.

Nếu là Niết Bàn, há nói vô số, mỗi mỗi cùng nhau? Nếu nói chơn như, chỉ một, mà lại nói đến bảy loại? hoặc 10 v.v... Căn cứ vào đây có thể chứng minh được để nói rằng có vô lượng cùng với mỗi mỗi như vậy. Điều này nghĩa là chẳng phải như vậy. Nói rõ ra là vì xe. Lý lấy làm thật; cho nên nơi này có sai. Tổng nói là vì lý. Nếu chỉ giữ lấy lý; tức là khuyết mất Bồ Đề. Nay chấp vào trí. Trí đoạn đầy đủ, hướng là lại như phía trước phần thứ nhất nói về cứu cánh, để được tất cả chủng trí.

Lại nói rằng: Làm cho nhập bất thối địa thị hiện cùng với vô lượng trí nghiệp. Kinh cũng nói: Như được pháp định huệ lực trang nghiêm này. Lại nói: Giống Phật từ nhân duyên sanh khởi. Lại nói rằng: Xe này là xe quý, đến thẳng đạo tràng. Lại nói rằng: Lên xe quý báu này đi đến bốn phương. Lại nói rằng căn lực, cùng với các pháp công đức vậy. Lại nói: Ta nay vì người tạo tác ra xe này. Cho nên cái lý dụ cho bảo sở. Trước sự có, không tạo ra hữu vi, tu sanh, nói tạo tác.

Chẳng thể nói rõ hóa thành. Chỉ do lý mà nói sự tạo tác. Kia hay tạo; nên gọi là vô bảo thể. Xe trâu đồng với các con; nên xả bỏ. Nếu chấp vào thật lý thì chẳng nói tạo tác, rộng ra có chứng nhiều. Phạm dẫn dụ chẳng đủ; cho nên dùng sự quý báu để dụ cho lý. Xe dụ cho trí thẳng.

Hỏi rằng: Cùng Tử ấy thí dụ đối trị với hướng của tăng thượng mạn. Xe của ta và xe của Phật không có sai biệt gì cả. Nếu nói ta và Như Lai, xe ấy chẳng khác biệt; tức là xe này cùng với Như

Lai tương tự. Ngoài ra Nhiếp Luận cũng nói: Thanh Văn làm Phật, sẽ được giống Phật. Nghĩa ấy ý vui tự thể làm sao để đối trị được?

Đáp rằng: Có hai cách giải thích. Một là nói rằng dự tích cho chính Tiều Thừa cùng với Như Lai để nói. Như việc Cùng Tử để đối trị. Ta cùng Phật v.v...Lại cũng sẽ được vui; tức là phi đối trị vậy. Cách khác nói rằng: Định tánh của người, chung cuộc chẳng làm Phật được, mà hay làm cho đồng thể, ý vui. Người bất định sẽ làm Phật, dự định cùng với Phật và các chương chẳng hồi tâm. Nói đối trị chỗ vọng, có khác biệt. Cho nên chẳng giống nhau.

Hỏi rằng: Tứ Đại Thanh Văn nói, dự cho sự lãnh hội lời dạy; tức là vì Vô Học. Luận ấy vì sao lại nói Hữu Học?

Đáp rằng: Dự xưa ở nhơn mê chấp làm chính. Nay ngộ rồi, dự xưa nói vì Hữu Học. Lại chính tự mình giải nói dự ấy rõ ra để nói vì Hữu Học. Đâu phải sai gì. Chẳng phải vậy sao? Bốn người há tự đối trị.

Hỏi rằng: Thọ ký Thanh Văn vì vui bất định, lại hữu dư sao?

Đáp rằng: Căn cứ vào ở luận giải thông qua bất định, ngược lại với sự biến hóa kia. Cho nên luận nói rằng: Hai loại Thanh Văn, Như Lai đều thọ ký. Nghĩa là ứng hóa Thanh Văn. Rốt cuộc trở lại phát tâm Bồ Đề.

Hỏi rằng: Ai là bất định và ai là biến hóa?

Đáp rằng: Luận nói về bất định. Căn cứ nơi câu văn, đầy đủ lòng từ của con người thì nói là biến hóa. Ngoài ra đa phần là bất định. Tất cả đều nói sẽ phát tâm Bồ Đề rộng lớn.

Hỏi rằng: Nếu thật dự tính cho Thanh Văn có hồi tâm để làm Phật thì vì sao trong kinh Duy Ma nói rằng: Thanh Văn chúng ta giống như hạt giống hư, chẳng thể dùng lại được? Nhập Đại Thừa Luận cùng với Bồ Đề Tư Lương Luận lại chẳng hứa khả như trong Kinh Pháp Hoa có thật Thanh Văn ấy. Tất nhiên do sự biến hóa. Cũng giống như hạt giống chưa nảy mầm. Ý này không mê hoặc. Lại nữa chẳng thọ sanh thì làm sao tu hành được ba kỳ kiếp?

Đáp rằng: Họ tất cả đều căn cứ theo sự ca tụng Đại Thừa. Có thể Tiểu Thừa chẳng cầu nói cõi ấy. Người bất định thì chung cuộc trở về Đại(Thừa). Làm cho có căn tánh lớn, cầu nơi cõi lớn. Chẳng phải vậy thì kinh luận há có thể sai khác sao? Căn cứ vào những kinh văn này, Pháp Hoa hội đủ; bốn loại Thanh Văn đầu tiên đầy đủ ở hội chúng. Sau đó dừng lại ở ba. Những kẻ tăng thượng thoái lui. Chẳng nói những bậc chơn Thánh rời khỏi chỗ ngồi. Nghe kinh rồi làm cho thành thực, chẳng ngu nơi pháp.

Trong luận giải thích ghi lại rằng: chẳng vì thọ ký, chẳng chương ngại chỗ ngồi. Hoặc có thể vô định tánh luận rằng: có tổn hại sự lo sợ; chẳng vì đó mà thọ ký vậy. Căn chưa thành thực; cho nên chẳng ở lại chỗ ngồi; liền rời bỏ đi.

Hỏi rằng: Hóa thành dùng những gì để làm thể?

Đáp rằng: Như những số giải thì có giải thích thêm rằng: vô học hậu tâm, thể gian Tam Muội nói vì đó mà hóa thành. Như là thể của hai xe. Dùng căn bản trí, chẳng thể giải rộng. Cho nên hậu đắc trí tạo Niết Bàn, tướng giải lấy làm cứu cánh vậy. Cho nên nói là hóa ra vậy.

Luận nói người thứ tư phương tiện, làm cho vào thành Niết Bàn. Niết Bàn thành là các thành của Thiên Tam Muội.

Hỏi rằng: Nếu như vậy thì vì sao có thể làm tiêu đi sự khổ được?

Đáp rằng: Lìa chương mà được vậy. Ra khỏi ba cõi; giống như hai xe kia. Nghĩa là họ được ra khỏi nhà. Điều này chẳng phải là dứt khổ sao?

Hỏi rằng: Nếu như vậy thì hai xe như thế nào mà chẳng được giả ra hóa thành; tức là được vào?

Đáp rằng: Chẳng thể rõ biết tất cả pháp, không phải chủng trí. Cho nên chẳng được xe. Vì sao vậy? Vì chưa lìa tri chương, thì làm sao được hóa thành. Khi nào khổ tam giới hết, được giải thoát, hoặc chương đã lìa.

Hỏi rằng: Nếu như vậy thì gọi Niết Bàn như thế nào?

Đáp rằng: Giả danh Niết Bàn. Phần thứ hai nói rằng: lìa hư vọng như thế nào mới gọi là giải thoát? Điều này thật ra chưa được giải thoát tất cả. Lại nói rằng: lúc ấy tâm tự biết được đến Niết Bàn. Chứng tăng thượng mạn tự rõ được quả; nhưng thật ra thì chẳng được. Điều này lại cũng như vậy.

Hỏi rằng: Nếu như vậy thì Vô Học há chẳng được Hữu Dư sao?

Đáp rằng: Như kia vô lậu trí ẩn, mà chẳng chứng. Hay nói là thế gian trí. Gọi đây là xe. Điều này cũng lại như vậy. Chỉ có hữu dư, chẳng phải cứu cánh. Ẩn mà chẳng chứng, làm cho chấp vào Đại(Thừa). Cho nên luận nói rằng: Làm cho vào thành Niết Bàn vậy. Thành Niết Bàn là thành của các thiên Tam Muội. Nếu như vậy tức là chỉ cho Hữu Dư, sao gọi là thành của các thiên Tam Muội? Lại như Thắng Man kinh cũng nói: Được Tứ Trí cùng với Niết Bàn, rõ biết cảnh giới Niết Bàn gần. Rõ ràng là chẳng phải thật Niết Bàn. Nói gần đến thôi. Nếu Niết Bàn này thì đã được rồi, sao gọi là gần? Thành Duy Thức Luận quyển mười nói rằng: Chẳng nói Vô Học có Niết Bàn. Điều kia có hai cách giải thích. Một là nói: hoặc ước bất định tánh, được Vô Học rồi; tức là hướng đến Đại(Thừa); chẳng nói kia được. Chính cùng với kia giống nhau. Nếu định tánh thì người,Đê,Hươu hai xe; tức là sự sanh trí kia. Cho nên nói hóa thành; tức là Nhị(Thừa)Niết Bàn. Kia cứu cánh vậy. Chẳng phải dần hết. Chẳng vui nơi Đại(Thừa). Chẳng cùng, chẳng định.

Hỏi rằng: Như cầu ba cõi sẽ vì thế lực nói ví dụ cho nhà lửa, làm cho xa rời cuộc đời này, chẳng làm cho cầu riêng; nên nói ba xe để đối trị; tức là có định nhơn. Thật chẳng phải Niết Bàn mà có tăng thượng mạn. Dùng có thế gian, tam muội, tam ma phạt đề, thật chẳng phải Niết Bàn, mà là Niết Bàn sanh tướng. Để đối trị với điều này cho nên nói thí dụ hóa thành. Nên biết rằng Hữu Học chấp thế gian tam muội, lấy đó làm Niết Bàn. Thật ra thì chẳng phải Niết Bàn. Gọi là tăng thượng mạn. Nay nói thế gian tam muội gọi là hóa thành. Giống như nhà lửa làm cho lo sợ chẳng giữ lại. Như vậy thì được cái gì để nói người thứ tư phương tiện, làm cho

vào thành Niết Bàn? Nếu như chấp vào thế gian tam muội; gọi là Niết Bàn thì há chẳng tăng lên sự chấp kia sao? Lại nữa chẳng rõ hóa ấy cầu nhập vào thành kia, liền nói là hóa. Sao lại nghĩ, mong sau mới hướng tới Đại(Thừa)?

Đáp rằng: Chính là Vô Học bàn về việc xưa. Quyền ấy làm cho dừng lại. Căn bản là muốn dần dừng nơi không, để hướng đến Đại(Thừa). Nay lại thêm nghĩa đối trị với Hữu Học. Người bất định hay sâu hướng đến Đại(Thừa). Người có định chấp kia Vô Học, chứng được Niết Bàn, sẽ làm cứu cánh, tác ý vui mừng. Nay Phật nói kia chẳng phải thật diệt, giống như hóa thành. Cho nên xưa nay nói là Niết Bàn. Do ta phương tiện làm kẻ thối tâm giả vào thành Niết Bàn, khiến cho liền đỡ mệt. Sau khi qua khỏi thành này rồi, làm cho vào thành Đại Niết Bàn, là chỗ trân quý. Làm cho kẻ Hữu Học rõ biết xả điều này để cầu Đại(Niết Bàn). Vì để đối trị; nên tạo ra hóa thành, mà đối trị kia lại không, thì điều này tức là làm cho 4 người, tạo ra hóa thành để cầu nhập vào, như câu văn đã giải thích. Cùng với lý chẳng sai. Kẻ ngu thấy mà vui, lại còn lấy vui mà giải thích.

Hỏi rằng: mười vô thượng, chính là nói về cái gì vậy ?

Đáp rằng: Chính là Thanh Văn bất định tánh vậy. Luận nói rằng: Thị hiện chủng tử vô thượng cho nên nói hai thí dụ. Các người chỗ hành là con đường Bồ Tát. Nghĩa là phát tâm Bồ Đề xong rồi trở lại trước, chỗ tu hành căn lành chẳng mất là cái nhọn của kia là hậu đắc quả. Ý ấy nói Nhị Thừa trong thân có chủng tử của Bồ Tát, thường hay trở lại tu hành đều được làm Phật. Sự phát tâm ấy làm cho kiên cố. Kẻ chưa phát tâm làm cho cửa vô thượng lại phát tâm. Lại nói thối lui rồi trở lại phát tâm như trước chỗ tu hành, căn lành chẳng mất, cùng sau đó được quả. Rõ ràng là bất định.

Hỏi rằng: Nếu mà như vậy thì tại sao mười loại vô thượng chẳng đều ở tại chánh tông?

Đáp rằng: Chẳng riêng để hiển lý Nhứt Thừa, mà tán thán khuyến khích gìn giữ. Cho nên thông qua hai phần và lược bớt đại cương. Ngoài ra chẳng thuật lại nhiều.

Hỏi rằng: Mười vô thượng này có lần lượt chăng?

Đáp rằng: Dùng nghĩa đề căn cứ, làm cho khuyến phát tâm, đầy đủ lực của nhơn và nói điều này gặp được cái nhơn lớn vậy. Làm cho thuận theo đó mà tu hành, sẽ được Phật quả. Cho nên nói là chúng tử vô thượng. Tức là làm rõ để nói các người chỗ hành là con đường Bồ Tát thiện lương. Làm rõ khi xưa phát tâm căn lành chẳng mất. Khiến cho nghe Phật pháp, trở lại giống như làm cái nhơn, sau đó được quả vậy. Nói đây là hữu thắng nhơn. Qua thời gian dài, là cái nhơn tu vô thượng, rồi mới đắc quả. Nói như Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai đã được Bồ Đề giống như trải qua trong 10 kiếp. Hiện quả thắng thượng, tu nhơn vô thượng.

Thứ đến nói về tu hành vô thượng. Tu hành vô thượng nghĩa là cần thực hành Đại Hạnh. Vì sao ở giữa lãnh thọ việc nhỏ? Hằng vì xưa nay từng phát tâm lớn; giữa chừng thối lui; chẳng thể mau thành. Quyền thí phương tiện, làm cho dứt khổ đi, sau đó tiến lên Đại; cho nên nói là tăng trưởng công đức lực vô thượng. Rõ biết xưa nay những gì từng phát tâm lớn. Nói về châu báu dụ cho sự lãnh giải này. Cho nên lần lượt làm cho rõ biết vô thượng. Còn biết lâu nay lâu dài tu hành là cái nhơn của Đại. Hay vì sợ Đại; cho nên giữa đường thối lui. Nay có thể nhớ nghĩ lại rõ biết tu hành. Như các vị Bồ Tát sẽ được Tịnh Độ; cho nên lần lượt nói về thanh tịnh quốc độ. Vô thượng rõ biết, liền tăng sâu sự nghe biết để giải thoát. Do vậy lần lượt nói về vô thượng, khai mở vô thượng sự chỉ bày, trong nhiều kiếp hành nhơn, tất cả đều thành người tuyệt diệu. Cho nên lần lượt nói về sự giáo hóa chúng sanh. Vô thượng thắng nhơn tức là tích chứa, sẽ được thắng quả. Chẳng hề giống với Nhị Thừa. Cho nên lần lượt nói thành Đại Bồ Đề vô thượng chứng quả. Tuy phải chứng, diệt mà có thể trong hiện tại làm lợi sanh. Pháp, Báo thân tuy vẫn thường tại. Hóa thân ứng vật chẳng nhất định. Tuy diệt mà chẳng diệt. Tuy sanh mà chẳng sanh. Cho nên lần lượt nói Niết Bàn vô thượng. Chỗ nói ấy liền làm cho rộng rãi, lợi ích vô biên. Khởi lên lòng tin, cúng dường, nghe pháp, gìn giữ, tán thán, được vô biên phước đức. Hiện nơi thần lực, đưa kia vào chỗ thắng hạnh và người, pháp đều chứng.

Lại nữa do hành nhơn sâu xa có thể hóa, có thể thọ. Bậc Thánh xa đến, vui mừng liền nghe kinh. Như Lai xoa đầu, từ bi tán thán ba lần, làm rõ việc vui này. Muốn được lưu thông; cho nên lần lượt nói thẳng diệu lực vô thượng. Các Tông đều giải thích, mà sự khác nhau lại vô cùng. Kinh luận ra đời nhiều cửa ngõ. Ở trong ấy nên rõ thấy vô lượng. Lược nói nguyên nhơn để giảng lần lượt. Nhận nghe lời thuật ít nhiều, nhiều vị chưa rõ thì nên nghe nhiều, để thêm vào cho đầy đủ.

Pháp Hoa Huyền Tán Nghĩa xong.

Dịch xong Pháp Hoa Huyền Tán Nghĩa này vào ngày 20 tháng tư âm lịch năm Quý Tỵ, nhằm ngày 29 tháng 5 năm 2013 tại thư phòng chùa Viên Giác Hannover Đức Quốc, kỷ niệm đúng 50 năm ngày Bồ Tát Thích Quảng Đức tự thiêu vào mùa Phật Đản năm 1963 tại ngã tư Phan Đình Phùng – Lê Văn Duyệt - Sài Gòn. Ngài đã để lại cho hậu thế một quả tim bất diệt.

Năm nay trong mùa An Cư Kiết Hạ, mỗi tối vào lúc 20 giờ đến 21 giờ 45 phút Đại chúng chùa Viên Giác tại Hannover Đức Quốc đã lạy kinh Đại Bát Niết Bàn đến quyển II mỗi chữ mỗi lạy; đến phẩm Sư Tử Hống trang 303. Mỗi đêm thường lạy được 300 đến 350 lạy. Kể từ năm 1984 đến nay(2013) là năm thứ 30; năm nào chùa Viên Giác cũng lạy kinh bộ và mỗi chữ mỗi lạy như vậy. Ví dụ như Kinh: Ngũ Bách Danh, Tam Thiên Phật Danh, Kinh Vạn Phật, Kinh Pháp Hoa, Kinh Đại Bát Niết Bàn. Đây là một công đức thật là bất khả tư nghì mà cá nhân chúng tôi cũng như Đại Chúng đã thể hiện việc hành trì của mình trong những mùa An Cư Kiết Hạ như vậy.

Thích Như Điển – Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover Đức Quốc cung kính ghi lại những việc tu học tại đây trong suốt 30 năm như vậy để đời sau lấy đó làm niềm tin.